

ĐỀ THI BẮM SẮT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 1

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Tóm tắt: Do sự can thiệp của Trời, Đăm Săn phải khuất phục trước sức mạnh của tập tục hôn nhân nối dây và lấy hai chị em Hơ Nhị và Hơ Bhi. Đăm Săn tiếp tục có những hành động chống lại cuộc hôn nhân. Chàng chặt cây smuk, cây sinh ra Hơ Nhị và Hơ Bhi khiến Hơ Nhị và Hơ Bhi bị chết. Khi vợ chết, Đăm Săn lại khóc thương và cầu xin ông Trời cho vợ chàng sống lại. Đăm Săn đã lập nên nhiều kì tích. Trong đó, kì tích lẫy lừng hơn cả là những chiến công đánh thắng hai tù trưởng Mtao Grư và Mtao Mxây, hai tù trưởng đã cướp vợ chàng. Buôn làng Đăm Săn trở nên giàu mạnh. Thực hiện khát vọng siêu việt của mình, Đăm Săn đã đi cầu hôn với Nữ thần Mặt Trời nhưng thất bại và bị chết trong rừng sập đen. Đăm Săn chết, cháu Đăm Săn lại tiếp tục con đường của cậu mình).

ĐĂM SĂN: A ha, các con ơi, rừng ta tìm phát dây rồi! Ai phát hãy phát đi! Ai đón hãy đón đi! Ở này các con, cây này cây gì vậy?

TÔI TỐ: Cây smuk, cây smun đó ông ạ. Đó là những cây gốc không thấy, ngọn không có, những cây sinh ra Hơ Nhị, Hơ Bhi đó, ông ạ. (...) Gốc cây người đi quanh phải một năm, cành cây chim chuyền phải một tháng, tán cây chim bay phải hết một hơi. Gốc cây trong suối, thân cây trong thung, ... thân do Trời trồng, gốc do Trời vun, tự nó nó vực dậy, tự nó nó vươn lên... Cây thần đó, ông ạ.

ĐĂM SĂN: Bớ bọn ta, vậy thì hạ cây này đi! Ai gãy rìu hãy đi rên rìu! Ai gãy chà gạc hãy đi rên chà gạc!

(Lược một đoạn: Hơ Nhị và Hơ Bhi ở nhà đợi mãi không thấy Đăm Săn trở về, bèn gọi bạn bè, tôi tớ cùng vào rừng tìm Đăm Săn. Khi họ đến nơi thì thấy Đăm Săn đang chặt cây thần).

HƠ NHỊ: Ở nuê2, ở nuê, sao nuê làm như vậy? Đó là cây smuk ở phía đông nhà, cây smun ở phía tây hiên, những cây sinh ra bà xưa ông cũ. Nếu nuê cứ phăm phăm chặt cây như vậy, chúng tôi sẽ chết mất, nuê sẽ ăn gan bò trong thau, ăn gan trâu trong mâm, uống rượu ché tuk ché tang một mình một cần. Thôi, nuê ở lại, chúng tôi về đây!

Hơ Nhị, Hơ Bhi đứng nhìn Đăm Săn, chàng vẫn hăm hở chặt. Trông chàng cứ như đang trong ngày hội giết lợn giết trâu ăn đông uống vui mừng mùa khô năm mới vậy.

ĐĂM SĂN: Bớ các con, bớ các con, hãy dũi như lợn, báng như dê, hãy tới tập vung tay rìu tay dao như chớp giật trong đêm tối!

TÔI TỐ: Ối ông ơi, ối ông ơi, gốc cây trong suối, thân cây trong thung, cây như muốn gãy! Gốc trong suối, thân trong khe, cây đang lung lay muốn gãy rồi, ông ạ!

ĐĂM SĂN: Cây lung lay muốn gãy, nhưng gốc chưa đứt. Bớ tất cả làng ta, hãy cứ dũi như lợn, báng như dê, hãy cứ tới tập vung tay rìu tay dao như chớp giật trong đêm tối cho ta!

Dân làng chặt thì cầm đèn nến, Đăm Săn chặt thì cầm đuốc. Bóng cây tối như đêm. Cây đứng 1 Hơ Nhị và Hơ Bhi là hai cô gái mà Đăm Săn đã phải lấy làm vợ theo tục nối dây. 2 Nuê: Anh.

đưa nhè nhẹ, rồi lắt lư từ gốc đến ngọn. Nó muốn gãy.

Hơ Nhị, Hơ Bệ thấy vậy bỏ chạy. Hai chị em sợ quỳnh, muốn chạy ra xa, nhưng rồi cứ quẩn lầy cây mà chạy. Cây sà xuống đầu hai người.

ĐẮM SẮN: Ơ Hơ Nhị, ơ Hơ Bệ, chạy tránh đi nhanh!

Hơ Nhị, Hơ Bệ chạy phía tây, cây ngã theo phía tây; chạy phía đông, cây ngã theo phía đông.

Hai chị em chạy vào vùng Mnông, cây ngã theo vào vùng Mnông; chạy xuống vùng Bih, cây ngã theo xuống vùng Bih; chạy ra vùng Adham, cây cũng ngã theo ra vùng Adham.

ĐẮM SẮN: Ơ Hơ Nhị, ơ Hơ Bệ, chạy đường về làng.

Hơ Nhị, Hơ Bệ liền chạy theo đường về làng. (...) Nhưng rồi cây cũng lại ngã theo phía đường làng.

HƠ BHI: Em mệt lắm rồi, chị ơi!

HƠ NHỊ: Thì đi vậy. Chúng ta nương nhau cùng bước vậy!

Gói trầu của Hơ Nhị, Hơ Bệ rơi vung vãi suốt dọc đường. Hai chị em về gần đến làng thì cây đã sà xuống đến gần đầu. Họ vào đến làng thì cây lao xuống. Họ bước vào nhà, khi vừa đến cửa thì cây ầm ầm sụp đổ, tiếng dội đến trời xanh. Cây cối khắp nơi đều gãy theo. Rừng gần rừng xa đều tan tác. Các cây cổ thụ cũng gãy, cành toác ra như bị bão giật, thân gục xuống như bị lốc xô. Hơ Nhị, Hơ Bệ bị vật lăn ra giữa nhà, bị quật ngửa ra gần buồng.

(Trích: **Đắm Săn**, sử thi Ê Đê, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 39, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.502-505)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy?

Câu 2. Dựa vào văn bản, hãy cho biết cây smuk và smun có quan hệ gì với Hơ Nhị và Hơ Bệ?

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nói quá được sử dụng trong đoạn: *Gốc cây người đi quanh phải một năm, cành cây chim chuyễn phải một tháng, tán cây chim bay phải hết một hơi.*

Câu 4. Qua văn bản, anh/chị có nhận xét gì về nhân vật Đắm Săn?

Câu 5. Người Ê Đê đã gửi gắm ước mơ gì thông qua sự kiện Đắm Săn chặt cây thần? Ước mơ đó có còn phù hợp với xã hội hôm nay không? Vì sao?

PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật thần thoại trong văn bản sau:

Ngày xưa, có hai thần đực và cái thân hình hết sức to lớn, thần đực gọi là Tứ Tượng hay Khổng lồ, thần cái gọi là Nữ Oa.

Tứ Tượng muốn kết duyên với Nữ Oa, nữ thần bắt nam thần phải thi tài với mình, hẹn trong vòng ba ngày mỗi người xây một hòn núi thật cao, có thể đứng lên trên mà nhìn khắp cả mặt đất. Nếu núi của nam thần cao hơn thì nữ thần mới bằng lòng làm vợ chồng.

Nam thần ở Bắc, nữ thần ở Nam, hai bên đua nhau đắp núi. Tứ Tượng có một đôi thùng vĩ đại, có thể chứa được hàng nghìn đôi đất. Một chuyến thần đang gánh, thùng đứt dây làm đất đổ xuống thành chín cái đồi lớn.

Sau kỳ hạn làm xong, hai thần bèn trèo lên núi của nhau để xem núi nào cao hơn. Đứng trên núi của thần đực trông thấy được ra ngoài biển Đông xa đến các nước láng giềng. Còn đứng trên núi của thần cái, thì thấy rõ cả bốn phía chân trời. Nam thần thua cuộc, nữ thần bèn đập đổ núi của Tứ Tượng xuống mà bảo hãy làm lại núi khác.

Núi của nữ thần ngày nay tương truyền còn dấu tích là núi Nam Giới ở Hà Tĩnh. Thần được lại ra sức đắp nhiều núi khác cho nữ thần bằng lòng. Do đó mà nhiều ngọn núi mọc lên từ Bắc chí Nam. Có những dấu chân lớn còn lưu lại trên đá ở vài núi miền Bắc và miền Trung mà về sau người ta cho đó là dấu chân của nam thần Khổng lồ. Trước sự theo đuổi chí tình của nam thần, rốt cuộc nữ thần cũng vui lòng kết hôn. [...]

(Trích: **Thần Nam, thần Nữ**, trích từ *Thần Thoại Việt Nam chọn lọc* – Thu Nga, Việt Dũng, Hoàng Minh tuyển chọn, biên soạn, NXB Thanh Niên, Tp.HCM, 2018)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về vấn đề: thói ỷ lại trong cuộc sống.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGŨ VĂN KHỐI 10

**ĐỀ THI BÁM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN**

*Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)*

CD – KNTT - CTST

**ĐỀ MINH HỌA SỐ 2****I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:**

(Tóm tắt: Xing Nhã là con trai của Gia Rơ Khốt – một vị tù trưởng giàu có và danh tiếng ở Tây Nguyên. Do bị Gia Rơ Bú, một vị tù trưởng khác ganh ghét, gây chiến, kéo người sang cướp phá buôn làng, giết chết Gia Rơ Khốt và bắt vợ Gia Rơ Khốt là nàng H' Bia về làm nô lệ. Xing Nhã, lúc ấy còn nhỏ, may mắn trốn thoát, được vợ chồng Xing Yuê đưa về nuôi. Lớn lên, khi biết chuyện, chàng đã không quản ngại gian khó, thử thách đi tìm Gia Rơ Bú để báo thù cho cha, cứu mẹ khỏi cảnh đoạ đày, đưa buôn làng trở lại cảnh yên vui ngày trước.)

XING NHÃ: Ở giếng Gia Rơ Bú, đàn voi dữ của anh em ở đâu rồi, đưa ra đây ta thử sức chứ! Gia Rơ Bú đưa sáu con voi của sáu anh em ra trận đấu. Còn con voi của Pơ Rong Mưng, Gia Rơ Bú để đưa ra cuối cùng.

Lần lượt sáu con voi đều bị Xing Nhã bẻ ngà, đâm thủng tim chết ngã nghiêng. Gia Rơ Bú càng tức giận, liền thả con voi đực của chàng Pơ Rong Mưng ra thử sức với chàng. Con voi này khi ra trận không sợ rùng đời ngà vàng. Con voi đực được chủ cho đi trận liền hùng hục chạy tới, gió cuốn theo như bão, đầu đội đầy cành lá, mở lệch đôi ngà xông thẳng tới Xing Nhã. Xing Nhã lùi lại ba bước rồi nhảy múa đánh nhau với con voi đực dữ nhất của anh em Gia Rơ Bú. Nhưng chàng Xing Nhã quá mệt, nhảy lên cây cọ, con voi áp tới, chàng rơi vào đôi ngà của nó. Con voi đực liền đưa chàng về nhà cho chủ.

Trời hừng nắng, gió bão ngừng lại, bà Giốn³ ra hiên phơi lúa nhìn xuống dưới trần thấy con voi đực của Pơ Rong Mưng đang đội chàng Xing Nhã về nhà Gia Rơ Bú, bà Giốn về nhà báo cho ông Giốn biết:

BÀ GIỐN: Ở ông Giốn, ông hãy nhìn xuống kia, cháu ta Xing Nhã đang bị con voi của Pơ Rong Mưng đội trên đôi ngà của nó mang đi khắp rừng thấp, đồi cao và sắp đến làng Gia Rơ Bú rồi! Ông Giốn đang ngủ say, vùng dậy lấy thuốc thiêng liêng xuống tiếp sức cho cháu. Xing Nhã chuyển mình, hai tay nắm chắc ngà voi, đu mình xuống đất. Hai chân dẫm chặt vùi nó, con voi bỗng đứng im như cục đá. Chàng dần mạnh đôi ngà của nó tuột khỏi miệng, con voi rống lên nghe rùng rợn núi đồi, ngã quỵ xuống. Chàng Xing Nhã giơ đôi ngà voi lên, chiếc ngà bên trái chàng ném cho nàng Hơ Bia Bơ Lao, chiếc ngà bên phải chàng vút lên hiên nhà Gia Rơ Bú cho Gia Rơ Bú⁴.

GIA RƠ BÚ (hoảng hốt liền gọi các em): Ở các em Xing Pú, Xing Pa, Xing Ala, Pơ Rong Pha, Pơ Rong Mtin, Pơ Rong Mưng! Con voi quý nhất của ta đã bị thằng chó Xing Nhã bẻ gãy đôi ngà rồi.

PƠ RONG MUNG: Ở anh Gia Rơ Bú chúng ta hãy chạy đi thôi.

GIA RƠ BÚ: Chẳng việc gì phải sợ con dê non ấy. Các em hãy cho khiên xoáy, luyện đường đao cho sắc, đánh diệt thẳng bé con máu chưa khô trên đầu ấy.

Xing Ba múa khiên, cầm đao ra trận đánh nhau với chàng Xing Nhã. Nhưng mới chỉ chạy múa được ba đôi núi, Xing Ba đã bị Xing Nhã chém đứt nhượng chân và ngã quỵ. Đến lượt Xing Ala, Pơ Rong Pha, Pơ Rong Mtin đều bị Xing Nhã chém tại trận. Bây giờ đến lượt Gia Rơ Bú ra trận Ông Giỗn và bà Giỗn là ông Trời và bà Trời, đứng về phía người anh hùng Xing Nhã. 4 Người Ê đê quan niệm bên trái là siêng năng, bên phải là lười biếng, ghét bỏ.

đánh. Thấy Gia Rơ Bú, Xing Nhã hỏi:

XING NHÃ: Ở Gia Rơ Bú, bây giờ ai chạy trước?

GIA RƠ BÚ: Hỡi con chim non mọc lông chưa kín cánh, mày hãy chạy trước đi, ta đuổi chém mày!

Xing Nhã quay khiên múa. Đất bụi bay mịt mù như mây trời tháng bảy. Xing Nhã nhảy qua trái núi, lượn qua con suối, băng qua đầu đèo, nhanh hơn bầy chim diều, chim ó. Gia Rơ Bú nhìn theo, tối mày tối mắt, không đoán được đường đao của Xing Nhã chĩa về hướng nào.

GIA RƠ BÚ: Được, bây giờ tao không giết mày, tao sẽ tìm cách phá sạch làng mày! Té ra đứa nào cũng là đầu đen, máu đỏ cả sao? Tao sẽ về cắt cổ mẹ mày ở nhà thôi!

XING NHÃ (ngừng múa): Ở Gia Rơ Bú! Ta đang đứng ở phía mặt trời mọc đây rồi. Bây giờ, người múa đao đi, ta đuổi theo.

Gia Rơ Bú múa lung tung, múa loanh quanh như con gà mắc nước, như sao lạc đường đi. Đường đao chỉ đâm vào giữa trống không. Xing Nhã mới đi được một bước đã chém trúng ngay chân Gia Rơ Bú. Máu phọt lên trời, đỏ như chiếc dây mây lửa.

XING NHÃ: Ở Gia Rơ Bú, máu gì chảy ở chân đấy? **GIA RƠ BÚ:** Máu con vắt ở núi Hơ mú cắn tao.

Gia Rơ Bú múa tiếp. Xing Nhã chém luôn cánh tay phải, đao và khiên của Gia Rơ Bú rơi xuống.

XING NHÃ: Tại sao khiên đao người rơi mất rồi?

GIA RƠ BÚ: Không phải! Đó là tiếng kêu của chiếc lục lạc trẻ con chơi, tiếng vù của con diều dúi gió đấy.

Gia Rơ Bú cố sức múa nữa, nhưng lần này chưa kịp trở tay, chiếc khiên đã bị Xing Nhã đánh vỡ tung, rơi xuống đất.

[...]

Xing Nhã lên hiên nhà Gia Rơ Bú gọi dân làng.

XING NHÃ: Ở chim nghiêng một ngàn, chim kotrao một sườn đồi, hỡi tất cả dân làng đó đây. Các anh muốn về với chúng tôi hay ở lại đây?

DÂN LÀNG: Chúng tôi xin đi theo ông đấy. Cả đoàn người đông nghịt kéo về.

(Trích: **Xing Nhã**, sử thi Ê đê, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 40, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.221-225)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định nhân vật chính trong văn bản?

Câu 2. Văn bản trên viết về đề tài gì?

Câu 3. Chỉ ra sự khác nhau của biện pháp tu từ so sánh trong hai câu sau:

- Xing Nhã nhảy qua trái núi, lượn qua con suối, băng qua đầu đèo, nhanh hơn bầy chim diều, chim ó.

- Gia Rơ Bú múa lung tung, múa loanh quanh như con gà mắc nước, như sao lạc đường đi.

Câu 4. Nhận xét về một phẩm chất nổi bật của Xing Nhã được thể hiện trong văn bản. (

Câu 5. Qua văn bản, hãy nêu một ước mơ của cộng đồng người Ê đê thời xưa mà anh/chị thấy có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống hôm nay và giải thích lí do.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật, không gian và thời gian thần thoại trong văn bản sau:

Ngày xưa Nam Tào, Bắc Đẩu nguyên là người trần, hai anh em ruột sinh đôi. Bà mẹ của họ đã già nua mới bắt đầu có thai, đến 69 tháng mới sinh ra hai cục thịt dính máu không đầu, không có tay chân. Bà đã tính vứt đi, nhưng sau lại lấy cất ở một xó nhà. Một trăm ngày sau tự nhiên hai cục thịt hóa ra hai người trai mạnh khỏe hết sức thông minh, trí nhớ phi thường, có thể nhớ đủ những chuyện nhỏ nhặt xảy ra ở khắp nơi.

Trời thấy vậy mới tuyển hai người cho làm thần, để ghi nhớ những việc sống, chết của loài người, Nam Tào giữ sổ sinh, Bắc Đẩu giữ sổ tử luôn luôn ở bên cạnh Trời. Nam Tào ở bên tả tức là phương nam, Bắc đẩu ở bên hữu tức là phương Bắc.

Người ta vẫn cho rằng hai ngôi sao mang tên Nam Tào – Bắc Đẩu chính là chỗ ở của hai thần. Hiện còn hai cái đôi ở Phả Lại tại miền Bắc Việt, tục gọi là đôi Nam Tào và đôi Bắc Đẩu, tương truyền rằng đó chính là nơi mà bà mẹ hai thần sau khi đẻ ra hai cục thịt đã đặt ở đây toan quẳng xuống sông.

Hai thần Nam Tào và Bắc Đẩu ngoài việc trông nom loài người, từ lúc sinh cho đến khi chết, còn qui định số mạng giàu nghèo, sang hèn, lành dữ của mỗi người, và sau khi chết phải đầu thai kiếp gì. Số kiếp các loài vật cũng do hai thần ghi chép.

(Trích: **Truyện thần thoại “Thần Tử, thần Sinh”**, trích từ *Thần Thoại Việt Nam chọn lọc* – Thu Nga, Việt Dũng, Hoàng Minh tuyển chọn, biên soạn, NXB Thanh Niên, Tp.HCM, 2018)

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về vấn đề: sống không định hướng.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGŨ VĂN KHỐI 10**ĐỀ THI BÁM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN**

*Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)*

CD – KNTT - CTST

**ĐỀ MINH HỌA SỐ 3****I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc văn bản sau:

*Thương thay phận gái cũng là người,
Nỡ bỏ xuân xanh quá nửa đời.
Ông Nguyệt 6 nở nào trêu quảĩ mãi,
Chị Hằng 7 khéo lẽ éo le thôi.
Hoa còn phong nhụy ong ve vẫn,
Gió đã phai hương bướm tả tơi.
Quá ngán thợ trời 8 ghê gớm bấy,
Xuân xanh được mấy chút thương ôi.*

(Trích: **Thương thay phận gái**, Hồ Xuân Hương, in trong *Thơ Nôm Hồ Xuân Hương*, Kiều Thu Hoạch biên soạn, NXB Văn học, Hà Nội, 2008)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên sử dụng thể thơ nào?

Câu 2. Xác định phương thức xuất hiện của chủ thể trữ tình trong văn bản?

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đối trong hai dòng thơ sau:

*Hoa còn phong nhụy ong ve vẫn,
Gió đã phai hương bướm tả tơi.*

Câu 4. Trình bày chủ đề của văn bản?

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về sự khác biệt giữa thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến và xã hội hiện nay.

II. PHÂN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tơ Mun trong văn bản sau:

(Tóm tắt: Xing Chơ Niếp là tù trưởng của một buôn làng giàu mạnh. Chàng lấy vợ là Hbra Lơ Tang, sinh được một người con trai đẹp lạ thường, đặt tên là Chiêm Tơ Mun. Hai vợ chồng làm lễ thôi tai cho con rất linh đình, nhưng quên không mời anh em nhà Đăm Chút. Đăm Chút lấy làm tức giận, bèn cùng hai em trai của mình là Đăm San và Đăm Chét kéo đến đánh buôn làng Xing Chơ Niếp, giết chết Xing Chơ Niếp và người anh trai của Xing Chơ Niếp, bắt vợ của Xing Chơ Niếp về làm nô lệ. Chiêm Tơ Mun may nhờ sự che chở của ông Trời nên đã thoát nạn, được vợ chồng người em gái của Xing Chơ Niếp nuôi dưỡng. Khi đã lớn khôn, biết được mối thù năm xưa, Chiêm Tơ Mun đã tìm đến buôn làng của Đăm Chút để báo thù).

Qua bảy ngày, bảy tháng, bảy năm đánh nhau, sức Đăm Chút đã tàn, lực hăn đã cạn, chân nặng như đeo chì, cột đá. Chiêm Tơ Mun dồn hăn vào núi lotang, đẩy hăn sang núi jut, cuối cùng hăn ngã giúi, nằm ngả nghiêng.

ĐĂM CHÚT: – Ô làm sao đây? Ta đã hết sức mẹ cho, cha dưỡng rồi.

Chiêm Tơ Mun giết chết Đăm Chút.

CHIÊM TƠ MUN: – Ô Đăm San! Mày hãy ra ngoài đi, ta đánh nhau sớm trước lúc sương chưa lên trời. Ta chỉ đánh chơi một ngày, một buổi, một chút thôi...

ĐĂM SAN: – Ô Chiêm Tơ Mun! Gan mày lớn bằng nào, mặt mày to bằng nào mà dám gọi tao? Hai người cùng nhảy lên trời. Mỗi lần Chiêm Tơ Mun vẩy bên trái, Đăm San bay qua phải. Đăm San vọt bên phải, Chiêm Tơ Mun vẫn đứng yên tại chỗ. Dao chạm nhau chan chát, tóe lửa.

Lửa bắn ra như tàn đuốc, như gió thổi đồng tro tàn.

Sau năm ngày, năm tháng, năm năm, Đăm San hết sức mẹ cho, cha dưỡng. Hăn vượt qua mười đồi, tám suối, chín khe. Chiêm Tơ Mun rượt theo, đuổi bắt. Đến đồi ole, Đăm San kiệt sức, tàn hơi. Hăn chết cứng đờ như cá horong gập cạn, như con cộp đói mồi, không kịp nói chuyện với Chiêm Tơ Mun.

Tới sân cây konia, Chiêm Tơ Mun hét vang, gọi đến Đăm Chết. CHIÊM TƠ MUN: – Ô Đăm Chết! Mày hãy lên đây...

ĐĂM CHẾT: Cha mẹ tao sinh ra tao là con trai để đánh giặc, mày với tao đi một lần, sinh cùng một nhịp trống, sao tao lại không lên?

Đăm Chết vừa nhảy lên trời, Chiêm Tơ Mun cũng nhảy theo ngay. Hăn muốn vượt cao hơn, nhưng Chiêm Tơ Mun cũng bay cao không kém. Hai bên xóc vào nhau, núi nhão ra, rừng tụt lại. Mưa giông ập tới. Dòng sông ngập nước. Cây cối gãy đổ. Cuối cùng Đăm Chết kéo đao chạy. Hăn chạy trốn vượt qua đồi jut, giẫm lên rừng le, nhào qua đầm lầy, chui qua lũng hẹp. Nhưng Chiêm Tơ Mun nắm được bả vai hăn, giật tóc, giúi hăn xuống đất, đẩy hăn xuống nước.

CHIÊM TƠ MUN: Ô Đăm Chết! Mày mau đi mà làm nhà với Đăm Chút và Đăm San ngoài rừng nhé.

Không nghe thấy Đăm Chết trả lời, hăn đã chết từ lúc nào.

(Trích: **Xìng Chơ Niép**, sử thi Ê đê, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 40, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.165-166)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về vấn đề bình đẳng giới.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 4

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Văng vẳng tai nghe tiếng chích choè,
 Lặng đi kéo động khách lòng quê.
 Nước non có tớ càng vui vẻ,
 Hoa nguyệt nào ai đã đắm mê?
 Quyên đã gọi hè quang quác quác,
 Gà từng gáy sáng tẻ tẻ te.
 Lại còn giục giã về hay ở?
 Đôi gót phong trần vẫn khoẻ khoe.*

(Trích: *Về hay ở*, Nguyễn Khuyên, in trong *Nguyễn Khuyên – Tác phẩm*, Nguyễn Văn Huyền tuyển chọn, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2002)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra các chữ có tác dụng hiệp vần trong văn bản?

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của tác từ láy tượng thanh được sử dụng trong văn bản?

Câu 4. Văn bản thể hiện tâm sự gì của nhân vật trữ tình?

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của quê hương đối với mỗi con người.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Đăm Di trong văn bản sau:

(Tóm tắt: Bố mẹ Đăm Di sinh được 5 người con, bốn trai một gái, Đăm Di là con trưởng. Bốn người con trai đều tài giỏi, người con gái thì xinh đẹp vô cùng. Một hôm, Đăm Di kêu gọi thanh niên trai tráng trong làng cùng vào rừng săn bắn. Mọi người đều đồng tình. Họ ra đi, để lại buôn làng cho người già, phụ nữ trông coi. Hơ Lát Giang là em trai út của Đăm Di, vì còn nhỏ nên không được đi theo. Trong lúc họ đi vắng, Y Hú và Y Jú – hai anh em xấu bụng và gian xảo, lười biếng đã xúi giục tên tù trưởng Ca Rơ Bú đến cướp làng của Đăm Di. Hơ Lát Giang tuy còn nhỏ nhưng đã anh dũng chống cự, giết được em trai của Ca Rơ Bú là Ca Rơ Mừng. Tuy vậy, cuối cùng, liệu không địch nổi kẻ thù, chàng đành bỏ trốn. Ca Rơ Bú bắt hết dân làng Đăm Di về làm nô lệ, cướp của, đốt nhà. Hơ Lát Giang trốn vào rừng sâu, tìm được Đăm Di và mọi người, kể lại hết sự tình. Đăm Di liền dẫn mọi người liền trở về làng. Họ bắt tay vào việc khôi phục lại buôn làng, chuẩn bị lực lượng để chiến đấu với Ca Rơ Bú. Khi thấy lực đã đủ mạnh, lại nhân dịp Ca Rơ Bú làm lễ bỏ mả cho em trai là Ca Rơ Mừng, Đăm Di đã cùng các em bàn bạc cẩn thận, sau

đó kéo sang làng Ca Rơ Bú để trả thù. Kết quả là họ đã giết được anh em nhà Ca Rơ Bú, giải cứu cho mọi người. Cuộc sống trở lại cảnh no ấm, yên vui).

ĐẮM DI: – Hồi tất cả trai làng! Ta có việc gấp cần bàn, cần làm. Hãy về ngồi đủ nơi sàn nhà ta, nghe ta nói điều bụng ta đang nghĩ, đang muốn. Mai ta muốn đi hỏi tội kẻ ác Ca Rơ Bú, cứu mẹ, cứu cha cùng vợ con, anh em các người.

TRAI LÀNG: – Ô ông Đăm Di! Chúng tôi đến ngay đó!

Thuốc hút chưa hết một điếu, chưa tàn một tẩu, mọi người đã đến đông, đến đủ...

ĐẮM DI: Hồi tất cả trai làng tốt bụng của ta! Tối nay ta thắp đèn mờ, đốt lửa chai để bàn cho trúng, cho suốt việc đi đánh bọn ác Ca Rơ Bú. Ta muốn đi ngay sáng mai. (...) Bụng các anh nghĩ làm sao?

Đăm Di miệng nói chưa hết lời, dứt tiếng, trai làng người này người nọ đã ầm ầm như sấm dậy, giờ giáo mác như bông lau ngọn lách, muốn được đi đánh kẻ ác Ca Rơ Bú ngay.

TRAI LÀNG: Ô ông Đăm Di! Đi ngay chứ! Chuyện đó chúng tôi đã muốn từ lâu, từ trước. Dao chúng tôi đã mài, mác chúng tôi đã sắc, khiên chúng tôi đã sắp, đã sửa. Chỉ còn chờ người gọi đi, chờ ông dẫn đường đó thôi. Thù Ca Rơ Bú đã đầy một bụng, giận Ca Rơ Bú đầy một ngực. Chúng tôi chỉ muốn đi hỏi nợ nó ngay tức khắc!

ĐẮM DI: – Hồi trai làng, vậy sáng mai ta sẽ ăn thịt, uống rượu ở đây thật sớm để lên đường. Thôi các anh về nghỉ cho được khỏe chân, mạnh tay, mai cầm khiên cho chắc, vung dao cho khỏe, cuộc cho tan, đánh cho vỡ bọn cộc ác Ca Rơ Bú.

Đăm Di vừa dứt lời, trai làng người này một câu, người kia một tiếng. NGƯỜI NỌ: – Ô chú Đăm Di, chuyện đó đừng lo, chúng tôi đã có nhiều sức.

NGƯỜI KIA: – Ô ông Đăm Di, chuyện đó đừng ngại, chúng tôi đã dư nhiều lực. Tay chúng tôi sẽ làm theo lời ông, chân chúng tôi chẳng đi ngược chân ông. Phải cuộc được vỡ, đánh được tan bọn Ca Rơ Bú hung ác hơn con hổ, con cộc kia bụng chúng tôi mới hả, mới nguôi.

ĐẮM DI: – Hồi trai làng, hãy về nhà nghỉ đi! Mai đến đây thật sớm ăn cơm uống rượu rồi lên đường cho khỏe chân, mạnh tay.

TRAI LÀNG: – Ô bác, ơ ông Đăm Di! Chúng tôi về đây!

Khi trai làng đã về hết, Đăm Di lại tiếp tục bàn bạc với các em.

ĐẮM DI: – Ô bạn Đăm Gorooăn, em Xing Mun, Xing Mơ Nga, Hơ Lát Dang! Việc nhỏ, việc lớn ta hãy bàn cho kỹ. Muốn đánh chóng được tan, cuộc được vỡ, giết nhanh được bọn Ca Rơ Bú, ta phải làm thế nào? Bụng bạn và các em nghĩ sao?

HƠ LÁT DANG: – Các anh như cây konia mọc trước, cây đa mọc đầu, các anh nói bụng các anh trước đi! Em là út xin được nói sau.

ĐẮM GOROOĂN: – Ô bạn Đăm Di! Sớm mai, khi chim borobúc kêu, ta bắt nôi, dựng kiềng, chim ató gọi, ta vo gạo nấu cơm, chim diều hót, ta gói cơm, chim chào mào giục, ta mở cổng, chim molang báo thức người đi làm thì ta lên đường.

ĐẮM DI: – Đó là ý bạn Đăm Gorooăn. Còn bụng các em tính làm sao?

XING MUN: – Ô anh Đăm Di! Bụng em nghĩ là sáng mai ta cơm nước thật sớm rồi đi ngay. Đến gần làng Ca Rơ Bú, ta sẽ chia người nào vây quanh làng, người nào nấp chờ ở bên nước ăn. Đến trưa, khi bọn Ca Rơ Bú đi làm lễ nhà mả về, kẻ mệt, thẳng say, lúc đó ta ập vào đánh. Dầu chúng có mười tay cũng không kịp trở, mười chân cũng không kịp chạy. Ta sẽ bắt chúng như bắt gà trong lồng, bắt lợn trong cũi!

XING MƠ NGA: – Bụng em nghĩ rằng, chờ đến chiều ngày mai, khi bọn Ca Rơ Bú đang ăn nhà mả, chúng ta sẽ ập vào đánh. Đúng lúc chúng đang mãi tranh thịt, mê rượu, không còn nhớ,

không còn nghĩ gì đến việc khiên đao, lúc đó chúng chỉ còn cách nằm im cho ta bắt, nằm gục cho ta trói. Bụng chúng hết giới, tay chúng hết mạnh!

Đăm Di quay mặt về phía Hơ Lát Dang hỏi.

ĐĂM DI: – O em Hơ Lát Dang! Bụng em nghĩ sao, miệng em chưa thấy nói?

HƠ LÁT DANG: – O anh Đăm Di, ơ các anh! Bụng em cũng như bụng các anh thôi. Đánh sáng sớm, đánh buổi trưa, hay buổi chiều đều được cả. Nhưng em nghĩ đánh buổi chiều tốt hơn. Đánh buổi chiều, ta sẽ chóng cuộc được tan, đánh được vỡ bọn Ca Rơ Bú, ta mới chắc chắn cứu được mẹ, được cha, được chị Bra Lơ Tang, chị Hơ Bia Rơ Sun. Đánh sớm quá, bụng chúng chưa no thịt, đầu chúng chưa say rượu, chân chúng còn nhanh, mắt chúng còn tinh, chúng sẽ giết mất mẹ cha ta, cùng chị Bra Lơ Tang, chị Hơ Bia Rơ Sun...

ĐĂM DI: – Em Hơ Lát Dang nói trúng đấy! Bụng anh cũng nghĩ thế đó! O bạn Đăm Gorooăn, ơ các em, mai ta cứ làm thế thôi. Bây giờ ta đi nghỉ cho khỏe chân, mạnh tay!

Đêm hôm ấy, Đăm Di mắt không muốn nhắm, đầu không muốn ngủ. Chàng thở lên “đứt ngọn dây dưa, thở xuống đứt ngọn dây mokao”. Chàng vừa ngồi xuống chưa yên chỗ, đã lại muốn đứng lên, vừa ngả lưng chưa ấm chỗ, đã bật ngồi dậy. Bụng chàng đang thương em gái Bra Lơ Tang, lòng chàng đang nhớ Hơ Bia Rơ Sun (vợ của Đăm Di) bấy lâu bị bọn ác Ca Rơ Bú bắt trói, đánh đập. Chàng nghĩ thương mẹ, thương cha, thương dân làng. Tại chàng hết nghiêng bên này, nghe bên nọ xem đã có tiếng gà rừng gọi sáng, tiếng gà làng gọi dậy, tiếng chim borơ búk gọi nấu cơm, nghiêng bên kia xem đã có tiếng chim ató, tiếng chim molang gọi mở cổng, kêu mở cửa để lên đường đi đánh kẻ ác Ca Rơ Bú.

(Trích: **Đăm Di đi săn**, sử thi Ê đê, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 40, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.165-166)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về vấn đề: thực trạng đọc sách của giới trẻ hiện nay.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 5

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Tóm tắt vở kịch: Trương Viên quê đất Võ Lăng, nhờ mẹ sang hỏi cưới Thị Phương, người con gái của Tế tướng đã hồi hưu. Thấy chàng học giỏi, cha Thị Phương đồng ý và cho đôi ngọc lưu ly làm của hồi môn. Giữa lúc chàng đang dùi mài kinh sử thì được chiếu đòi đi dẹp giặc, chàng từ biệt mẹ già, vợ trẻ để ra chiến trường. Trong cảnh chạy giặc, Thị Phương đã dắt mẹ chồng lưu lạc suốt mười tám năm. Hai người bị quỷ dữ trong rừng sâu đòi ăn thịt, song may nhờ người vợ quỷ nhận làm chị em xin tha rồi cho vàng. Tiếp đó họ lại bị hổ dữ đòi ăn thịt. Thị Phương tình nguyện dâng miếng thịt nơi cánh tay để cứu mẹ chồng. Hổ tha mạng cho cả hai mẹ con. Mẹ ốm, nàng dâng đôi mắt mình để Sơn Thần làm thuốc chữa cho mẹ. Cảm động trước tấm lòng của Thị Phương, Ngọc Hoàng sai Chúa Tiên xuống dạy nàng nghề đàn hát. Thắng trận trở về, Trương Viên được phong quan. Chàng trở về quê cũ tìm mẹ già và vợ nhưng không thấy. Rồi chàng gặp hai mẹ con bà hát xẩm, bèn mời họ vào phủ để hát cho mình nghe. Qua bài trần tình, chàng đã nhận ra mẹ và vợ. Nhờ ngọc lưu ly, đôi mắt của Thị Phương sáng lại như xưa, gia đình được đoàn tụ sum vầy).

THỊ PHƯƠNG (hát trần tình): – Trương Viên, Trương Viên Người chồng tôi tên gọi Trương Viên

Vua sai dẹp giặc nước Xiêm khơi chèo Bời vì đâu chéch nón ả Hằng
 Thờ chồng giữ tiết khăng khăng chẳng rời Bời vì đâu bình lửa tôi bời
 Xa miền quê quán, ngụ nơi lâm tuyền Một mình tôi nuôi mẹ truân chuyên
 Quyết liều phận bạc chẳng dám quên nghĩa chàng Gặp những loài ác thú hổ lang
 Người rắp làm hại, khẩn kêu van lại lành Trở ra về qua miếu thần linh
 Thần đòi khoét mắt, lòng thành tôi kính dâng Vậy nên mù mịt tối tăm
 Được tiên dạy hát kiếm ăn qua tháng ngày Sự tình này trời đất có thấu hay
 Chàng Trương Viên có biết nông nổi này cho chăng? TRƯƠNG VIÊN: – Nghe tiếng đàn cùng
 tiếng hát Chuyển động tâm thần...

THỊ PHƯƠNG (nói sử): – Tiên ông thương tôi còn để đó Tôi chẳng hề tiêu đặng một phân
 Xin ông đừng nói chuyện tản ngằn

Mà tôi mang tiếng không thanh danh tiết.

(Lược một đoạn: Trương Viên nghe lời hát, nhận ra vợ mình, nhưng Thị Phương vì bị mù nên chưa dám nhận Trương Viên, đòi chàng phải đưa ra bằng chứng để chứng minh).

THỊ PHƯƠNG (nói sử):

– Nào trước khi phu phụ hợp hôn

Những của ấy đưa ra làm chứng.

MỤ: – Ôi này con, vợ con nói: ngày xưa quan Thừa tướng có cho cái gì làm lễ vật không, con đưa cho vợ nó xem để nó nhận.

TRƯƠNG VIÊN: – Anh khá khen em mười tám năm nay chẳng có đơn sai Lòng thương em nhớ mẹ ngậm ngùi

Đây, ngọc lưu ly giao em nhận tích.

Thị Phương cầm ngọc, ngọc nhảy lên mắt, mắt sáng trở lại. THỊ PHƯƠNG: – Quả lòng trời đưa lại

Ngọc nhảy vào, mắt được phong quang Mẹ ơi giờ con trông được rõ ràng Chồng con đây đã tỏ.

MỤ: – Mẹ mừng con đã yên lành như cũ Lại thêm mẫu tử đoàn viên

Trời có đâu nữ phụ người hiền Thế mới biết bĩ rồi lại thái. TRƯƠNG VIÊN: – Trăm lạy mẹ

Con vâng lệnh trên ra dẹp giặc đã yên Mười tám năm binh mạnh tướng bền Giờ được chức làm quan Thái tử

Trời xui nên mẹ con gặp gỡ Mời mẹ về cho tới gia trang Khi đó sẽ hồi quỳnh khánh hạ (hát văn trò):

Tạo hóa xoay vần

Hết con bĩ cực đến tuần thái lai Trời chung, trời chẳng riêng ai Vun trồng cây đức ắt dài nền nhân Hễ ai có phúc, có phần

Giàu nghèo tại số, gian truân bởi trời Phương ngôn dạy đủ mọi lời.

(Trích: vở chèo *Trương Viên*, Hà Văn Cầu sưu tầm và chú thích, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1976)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Những chữ in nghiêng để trong dấu ngoặc đơn được gọi là gì?

Câu 2. Chỉ ra những nhân vật xuất hiện trong văn bản?

Câu 3. Xác định chủ đề của văn bản?

Câu 4. Nêu ngắn gọn cảm nhận của anh/chị về nhân vật Thị Phương?

Câu 5. Thông điệp nào từ đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Lí giải vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nghệ thuật sử dụng hình ảnh trong bài thơ sau:

Nồn nà sương ngọc quanh thềm đậu;

Nắng nhỏ băng khuôn chiều lỡ thì.

Hư vô bóng khói trên đầu hạnh;

Cành biếc run run chân ý nhi.

Gió thắm, mây lặng, dáng thu xa,

Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà.

Buồn ở sông xanh nghe đã lại,

Mơ hồ trong một tiếng chim qua.

Bên cửa ngừng kim thêu bức gấm,

Hây hây thực nữ mắt như thuyền.

Gió thu hoa cúc vàng lưng giậu,

Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên.

(Trích: *Thu*, Xuân Diệu, in trong tập *Gửi hương cho gió*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1992)

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) giúp người khác thay đổi thói quen suy nghĩ tiêu cực.

----- HẾT -----

- *Thí sinh không được sử dụng tài liệu;*
- *Giám thị không giải thích gì thêm.*

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 6

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Tóm tắt vở kịch: Dương Lễ và Lưu Bình là hai người bạn thân từ thuở thiếu thời. Hai người cùng dùi mài kinh sử và cùng đi thi, nhưng chỉ Dương Lễ đỗ đạt. Lưu Bình sinh ra buồn chán. Dương Lễ muốn giúp bạn thi lại, nên đã dùng kế khích tướng, ngoài mặt tỏ ra khinh bỉ Lưu Bình, nhưng bên trong bí mật sai vợ của mình là Châu Long đi theo giúp Lưu Bình để chàng có thời gian và tiền bạc để ôn thi. Năm đó Lưu Bình đỗ làm quan. Dương Lễ cho mời Lưu Bình đến chơi. Trong buổi gặp mặt này, Lưu Bình mới biết Châu Long là vợ của Dương Lễ. Lưu Bình vô cùng cảm động và kính phục trước tấm lòng của hai người dành cho mình).

DƯƠNG LỄ: – Ta có người bạn thiết Tên gọi Lưu Bình

Nghĩa trong phé phủ

Ta cũng có của giúp anh em no đủ Nhưng đủ no lại nhặng việc học hành Ấu là ta giả cách vô hình

Chịu tiếng bạc cho anh em càng tủi cực Anh em có giận ta, mới học hành ra sức

Trong ba nàng, cậy một nàng thân tín đi nuôi Nàng nào khả đỡ anh việc ấy?

BÀ CÁ: – Bẩm lạy quan,

Thiếu chi điều cho bạn được nhờ Cổ kim nay có thể bao giờ

Đi nuôi bạn thật điều rất khó

Số bạn quan còn muộn mằn vất vả Có lẽ đâu nuôi mãi được ru

Thế gian nay nam nữ đồng cư⁹ Tiếng tăm ấy rửa sao cho sạch Như điều ấy thì tôi xin khước Có nên ra mặc ý hai dì...

DƯƠNG LỄ: – Nàng cả đã nói vậy, nàng hai ý thế nào? BÀ HAI: – Trình lạy quan,

Phận tiểu tnh¹⁰ bên gối, ngoài màn Có lẽ nào sửa vượt qua đấng

Lời em nói cũng như lời chị cả.

DƯƠNG LỄ: – Nàng cả, nàng hai đã từ nan trước Châu Long em,

Nàng có đi thi nàng cũng nói Để cho anh đành dạ cậy trông Sách có câu: nữ hữu tam tông⁹ Nam nữ đồng cư: nam nữ ở chung một nhà.

¹⁰ Tiểu tnh: vợ bé

Còn bé nhỏ tại gia tông phụ Khi lớn khôn xuất giá tông phụ.

CHÂU LONG (nói sử): – Trăm lạy chàng, Chàng dạy đi dặm liễu đường cù

Thiếp chẳng quân công phu khó nhọc Thiếp vâng lời chàng đi nuôi bạn học Nhưng đi làm sao, về lại làm sao? Thiếp sợ chàng quân tử chí cao

Dạ như bể dò sao cho xiết

Thiếp sợ mình: lửa gần rom lâu ngày cũng bén Uống công chàng mà lỗi đạo tào khang¹¹

Đục pha trong, thau lẫn với vàng

Đành phận thiếp, hỏ mặt chàng quân tử. DƯƠNG LỄ: – Việc nàng đi ta đã tính trước Nếu hỏ nghi ta đã chẳng sai đi

Người quân tử có nghĩ chi chuyện ấy Ba nén vàng nàng thời nhận lấy Nuôi bạn anh cho cơm áo no lòng Rồi sau sẽ tìm đường trở lại... CHÂU LONG: – Bẩm lạy quan, Quan đã hết lòng cùng bạn

Thiếp đây xin gắng sức cùng chồng Dầu kíp chầy12 thiếp chẳng ngại công Lòng thiếp có đôi vàng nhật nguyệt Nối riêng tây kể sao cho xiết

Tâm là lòng, ý cũng là lòng

Thiếp xin trở về tiết giá sạch trong Danh thơm để lưu hương thiên cổ.

(Trích: vở chèo **Lưu Bình Dương Lễ**, Hà Văn Cầu sưu tầm và chú thích, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1976)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Ghi lại lời chỉ dẫn sân khấu được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2. Dựa vào văn bản, hãy cho biết Dương Lễ nhờ Châu Long đi làm việc gì?

Câu 3. Qua đoạn lời thoại:

Ta có người bạn thiết

Tên gọi Lưu Bình Nghĩa trong phé phủ

Ta cũng có của giúp anh em no đủ

Nhưng đủ no lại những việc học hành Ấu là ta giả cách vô hình

Chịu tiếng bạc cho anh em càng tủi cực

Anh em có giận ta, mới học hành ra sức

Anh/ chị có nhận xét gì về nhân vật Dương Lễ?

Câu 4. Với việc nhận lời đi nuôi bạn chồng, anh/ chị thấy Châu Long là người như thế nào?

Câu 5. Từ văn bản trên, anh/ chị có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của tình bạn?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn chủ đề của bài thơ sau:

Từ ngày cha mất đi rồi

Mẹ như một giọt nắng rơi bạc thêm

Gậy tre đỡ trái chín mềm

Mắt nhìn xa thăm một miền khói sương

Ba gian loang lỗ quanh tường

Rộng thênh một khoảng mấy phương gió lùa

Vườn nhà thả giữa nắng mưa

Hàng cau nghen bẹ mấy mùa không hoa

Các con mấy đứa ở xa

Vội vàng thăm mẹ tháng ba bốn lần

Đứa gần đâu có ân cần

Bù sao cho đủ lặn thăm cha trao

Anh em mấy giọt máu đào

Vắng cha giông gió tác tao ít nhiều

Mái trâm ngói cũ phong rêu

Dấu xưa còn được bao nhiêu sum vầy

Từ ngày cha mất đến nay

Con đi như một cụm mây luân hồi

Hợp tan qua mấy vòng đời

Vẫn đau đau một phương trời có cha.

(Trích: **Từ ngày cha mất**, Nguyễn Văn Song, giải B cuộc thi thơ của Báo Văn nghệ, 2019-2020)

Câu 2. (4 điểm)

Ý chí là sức mạnh.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về nhận định trên.

----- **HẾT** -----

- *Thí sinh không được sử dụng tài liệu;*
- *Giám thị không giải thích gì thêm.*

ĐỀ THI BẮM SẮT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 7

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Làm người chẳng có đức cùng tài,
 So nghĩ đều thì kém hết hai
 Hiểm hóc cửa quyền chẳng đút lận
 Thanh nhàn án sách hãy đeo đai.
 Dễ hay ruột bẻ sâu cạn,
 Khôn biết lòng người vắn dài.
 Sự thế dữ lành ai hỏi đến,
 Bảo rằng ông đã điếc hai tai.*

(Trích: **Ngôn chí**, bài 5, Nguyễn Trãi, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 4, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.80)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản?

Câu 2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai cặp câu thơ thực và luận?

Câu 3. Anh/ chị hiểu như thế nào về nội dung của hai câu thơ:

*Dễ hay ruột bẻ sâu cạn,
 Khôn biết lòng người vắn dài.*

Câu 4. Nêu chủ đề của văn bản?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/ chị có suy nghĩ gì về lợi ích của lối sống thanh nhàn

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ sau:

*Chân chẳng lợt đến cửa vương hầu,
 Ấy tuổi nào thay đã bạc đầu.
 Liệu cửa nhà xem bằng quán khách,
 Đem công danh đổi lấy cần câu.
 Thân đà hết luy thân nên nhẹ,
 Bụi ấy là lòng bụi há cầu.
 Bui một quân thân ơn cực nặng,
 Tơ hào chưa báo hãy còn âu.*

(Trích: **Mạn thuật**, bài 8, Nguyễn Trãi, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 4, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.89)

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về vấn đề: Lối sống năng động của người trẻ trong xã hội hiện nay.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

GV: Triệu Thị Phương Thúy

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGỮ VĂN KHỐI 10

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025 MÔN NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 8

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NGƯỜI THẦY THÀNH LẬP NGÔI TRƯỜNG ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

Plato – nhà triết học thời Hy Lạp cổ đại – là người sáng lập Academy, nơi được coi là ngôi trường đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Ông cũng là người viết những tác phẩm triết học có ảnh hưởng lớn tới hệ tư tưởng phương Tây. Plato là người thành lập Academy ở Athens – một trong những ngôi trường đầu tiên của thế giới phương Tây. Ông qua đời tại Athens vào khoảng năm 348 TCN.

Thời trẻ

Khi còn trẻ, Plato trải qua 2 sự kiện lớn trong đời. Một là sục sạo với triết gia vĩ đại Socrates. Phương pháp đối thoại và tranh biện của Socrates khiến Plato ấn tượng đến mức không lâu sau ông trở thành một cộng sự thân thiết và dành cả cuộc đời mình cho các vấn đề về đức hạnh và sự hình thành nhân cách cao thượng. Một sự kiện quan trọng khác trong cuộc đời ông là cuộc chiến Peloponnesus giữa Athens và Sparta, mà Plato đã chiến đấu trong một thời gian ngắn từ năm 409-404 TCN. Sự thất bại của Athens chấm dứt chế độ dân chủ và bị Sparta thay thế bằng chế độ chuyên chế độc tài. Hai người thân của Plato là Charmides và Critias là những nhân vật nổi bật trong chính quyền mới.

Sau khi chính quyền độc tài bị lật đổ và chế độ dân chủ được khôi phục lại, Plato có một thời gian ngắn làm công việc chính trị. Tuy nhiên, bản án tử hình với người thầy Socrates vào năm 399 TCN khiến ông băn khoăn với công việc này và quay trở lại với cuộc sống nghiên cứu triết học.

Thành lập Academy

Vào khoảng năm 385 TCN, Plato thành lập một trường học được gọi là Academy – nơi mà ông là người chủ trì cho tới tận khi qua đời.

Academy hoạt động cho đến năm 529 sau Công Nguyên, khi nó bị đóng cửa bởi Hoàng đế La Mã Justinian I – người lo sợ rằng ngôi trường là nguồn gốc của chủ nghĩa ngoại giáo và là một mối đe dọa với Cơ đốc giáo.

Trong những năm hoạt động, chương trình giảng dạy của trường gồm có thiên văn học, sinh học, toán học, lý thuyết chính trị và triết học. Plato hy vọng rằng Academy sẽ là nơi để các nhà lãnh đạo tương lai khám phá ra cách xây dựng một chính quyền tốt hơn cho các thành bang Hy Lạp.

Vị trí của Plato trong lịch sử

Plato cùng với Academy đã tạo ra sự ảnh hưởng lâu dài tới bản chất con người, vượt ra phạm vi của Hy Lạp cổ đại. Niềm tin của ông về tầm quan trọng của toán học trong giáo dục đã được chứng minh là cần thiết cho việc hiểu về toàn bộ vũ trụ. Những tác phẩm của ông về việc sử dụng lý trí để phát triển một xã hội công bằng hơn, tập trung vào sự bình đẳng của các cá nhân đã thiết lập một nền tảng cho nền dân chủ hiện đại.

(Theo VietNamNet)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản?

Câu 2. Chỉ ra các yếu tố hình thức được sử dụng trong văn bản?

Câu 3. Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?

Câu 4. Phân tích mối liên hệ giữa các phần trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản?

Câu 5. Từ văn bản trên, anh/ chị có suy nghĩ gì về vai trò của trường học đối với mỗi con người?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về sức mạnh của tri thức.

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích nhân vật thần tình yêu Eros trong văn bản sau:

Cậu con trai của nữ thần tình yêu và sắc đẹp Aphrodite tên là Eros, là sứ thần tin tưởng của mẹ. Nữ thần thường giao cho Eros thực hiện mọi việc. Eros là một cậu bé xinh đẹp, hồn nhiên, nhanh nhẹn và rất tinh nghịch, song có lúc cũng rất lạnh lùng tàn nhẫn. Eros bay trên đôi cánh bằng vàng, qua biển và các lục địa, nhanh như hơi gió. Tay cậu cầm cái cung bạc nhỏ xíu, vai mang bao tên. Về tài bắn tên, cậu không thua kém ai. Không ai có thể tránh khỏi những mũi tên vàng này, ngay cả vị thần Apollo nổi danh thiện xạ hay thần vương Zeus cũng vậy. Mũi tên vừa bắn đi, mắt Eros sáng lên. Cậu ngẩng cái đầu tóc quăn, cười ngạo nghễ. Những mũi tên tình yêu của Eros giúp cho những đôi trai gái yêu nhau, vượt mọi khó khăn, thử thách để đến với hạnh phúc. Nhưng có khi Eros đã bắn những mũi tên thần giết chết tình yêu, gây nỗi đau khổ, bất hạnh cho con người hoặc thần linh. Nhưng chính Eros cũng không thoát khỏi những mũi tên của mình. Mỗi tình của chàng với nàng Psyche kiều diễm cũng là một trong những thiên tình ca bất hủ. Biết trước Eros sẽ mang đến cho thế giới nhiều điều éo le, ngang trái, khổ đau, thần vương Zeus đã muốn bóp chết cậu bé ngay từ khi vừa mới ra đời để ngăn trừ hậu họa. Nhưng nữ thần Aphrodite đã kịp giấu Eros trong rừng rậm. Eros được hai con sư tử nuôi bằng sữa của mình. Lớn lên, chàng thiếu niên xinh đẹp này bay khắp thế giới, bắn những mũi tên vàng tuy không giết chết ai, nhưng lại gieo cái dục vọng mãnh liệt vào tâm hồn của họ. Dù thần linh hay con người, không phân biệt giàu nghèo hay sang hèn, không ai có thể thờ ơ với tình yêu.

(Trích: **Thần thoại Hy Lạp**, tập 1, Huỳnh Phan Thanh Yên, Nguyễn Hoàng Oanh sưu tầm và biên soạn, Nxb Văn học, Hà Nội, 2022)

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGŨ VĂN KHỐI 10

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST

**ĐỀ MINH HỌA SỐ 9****I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****GIỚI THIỆU TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH NGŨ VĂN 2018**

Ngữ văn là môn học bắt buộc được học từ lớp 1 đến lớp 12. Ở cấp tiểu học, môn học có tên là Tiếng Việt; ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông có tên là Ngữ văn. Môn Ngữ văn giúp học sinh phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt, làm công cụ để học tập tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khác trong nhà trường; đồng thời cũng là môn học quan trọng giáo dục học sinh những giá trị cao đẹp về văn hóa, văn học và ngôn ngữ dân tộc; phát triển ở học sinh những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống nhân ái, vị tha,...

Về nội dung giáo dục:

Điểm khác biệt nhất so với các chương trình trước đây là chương trình môn Ngữ văn 2018 được xây dựng xuất phát từ các phẩm chất và năng lực cần có của người học để lựa chọn nội dung dạy học.

Chương trình lấy việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình theo định hướng năng lực và bảo đảm tính chỉnh thể, sự nhất quán liên tục trong tất cả các cấp học, lớp học. Các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp tập trung vào bốn kỹ năng: đọc, viết, nói và nghe. Đọc bao gồm yêu cầu đọc đúng và đọc hiểu. Yêu cầu về đọc hiểu bao gồm các yêu cầu hiểu văn bản (trong đó có cả đọc thẩm mỹ, cảm thụ, thưởng thức và đánh giá) và hiểu chính mình (người đọc). Viết không chỉ yêu cầu học sinh biết viết chữ, viết câu, viết đoạn mà còn tạo ra được các kiểu loại văn bản, trước hết là các kiểu loại văn bản thông dụng, sau đó là một số kiểu loại văn bản phức tạp hơn. Nói và nghe căn cứ vào nội dung của đọc và viết để luyện tập cho học sinh trình bày, nói và nghe tự tin, có hiệu quả; từ nói đúng đến nói hay.

Hệ thống kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học được tích hợp vào hoạt động dạy đọc, viết, nói và nghe, bao gồm: Kiến thức tiếng Việt: Ngữ âm và chữ viết; Từ vựng; Ngữ pháp; Hoạt động giao tiếp; Sự phát triển của ngôn ngữ; Kiến thức văn học: Những vấn đề chung về văn học; Thể loại văn học; Các yếu tố của tác phẩm văn học; Một số hiểu biết sơ giản về lịch sử văn học Việt Nam.

Về phương pháp giáo dục:

Do yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực nên chương trình nhấn mạnh việc chú ý hình thành cho học sinh cách học, tự học, từ phương pháp tiếp cận, phương pháp đọc hiểu đến cách thức tạo lập văn bản và nghe-nói; thực hành, luyện tập và vận dụng nhiều kiểu loại văn bản khác nhau để sau khi rời nhà trường các em có thể tiếp tục học suốt đời và có khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Nhiệm vụ của giáo viên là tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh; khơi gợi, vận dụng kinh nghiệm và vốn hiểu biết đã có của học sinh về vấn đề đang học, từ đó tìm hiểu,

khám phá để tự mình bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện những hiểu biết ấy; khuyến khích học sinh trao đổi và tranh luận, đặt câu hỏi cho mình và cho người khác khi đọc, viết, nói và nghe.

Các phương tiện giáo dục:

Để thực hiện chương trình môn Ngữ văn, cần có thiết bị dạy học tối thiểu là tủ sách sách tham khảo có đủ các kiểu loại văn bản lớn là văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin; có các loại văn bản đa phương tiện (chữ, chữ kết hợp tranh ảnh,...). Những trường có điều kiện cần nối mạng Internet, máy tính, màn hình và đầu chiếu; trang bị thêm một số phần mềm dạy học tiếng Việt; các CD, video clip; một số bộ phim hoạt hình, phim truyện được chuyển thể từ các tác phẩm văn học; băng, đĩa CD; sách giáo khoa và tài liệu giáo dục văn học dạng điện tử.

(Theo <https://gesd.edu.vn>)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2. Xác định các yếu tố hình thức được sử dụng trong văn bản?

Câu 3. Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần?

Câu 4. Tác giả viết văn bản trên nhằm mục đích gì? Căn cứ vào đâu để anh/ chị nhận ra điều đó?

Câu 5. Từ văn bản trên, anh/ chị có suy nghĩ gì về lợi ích của môn Ngữ văn đối với bản thân?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về thực trạng học môn Ngữ văn của học sinh hiện nay.

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích hình tượng nhân vật Đăm Noi trong văn bản sau:

(Tóm tắt: Ngày xưa, có bok16 Drang Hạ – Drang Hơ có sức mạnh khủng khiếp. Lão thường đi khắp các nẻo đường để bắt người về ăn thịt. Bok Kei Đei trên trời ngó xuống, động lòng thương dân chúng, bèn cho con út là bia nàng Răk xuống cùng Set giữ đất nước. Set và Răk ăn ở với nhau sinh liền một lúc năm con trai Yung, Yol-ngoi, Hmen, Dê-hrit, Noi, trong đó thằng út Noi là khỏe nhất. Dù còn nhỏ tuổi, nhưng Noi đã rủ các anh em cùng đi đánh Drang Hạ – Drang Hơ để báo thù cho những người đã bị Drang Hạ – Drang Hơ ăn thịt. Hai bên quần nhau suốt mấy năm trời, đem ra không biết bao nhiêu tài phép. Bok Drang Hạ – Drang Hơ ngày một già yếu, trong khi Noi càng đánh càng khỏe. Sau cùng, Noi cũng hạ được Drang Hạ – Drang Hơ. Tưởng đã yên, năm anh em hăm hở về nhà. Nhưng giữa đường, họ bị bok Prao chặn đánh để phục thù cho Drang Hạ – Drang Hơ. Bok Prao giở mọi tà thuật ra hại Noi mà không thành, sau rốt bị Noi giáng kiếm tiêu diệt. Noi cùng các anh về đoàn tụ cha mẹ. Cuộc sống buôn làng lại đầm ấm như xưa).

ĐĂM NOI: Ô bok Prao, đó, ông đã biết thế nào là Noi, con cháu của bok Kei Đei chưa? BÔK

PRAO: Này Noi, sao mày lại tài hơn thần, giỏi hơn trời? Nhà rông của ta đã hóa thành tro bụi mất rồi.

CÁC CON CỦA BÔK PRAO: Ô, bố ơi, bố đừng đánh nhau nữa, bố không biết Noi có sức mạnh như thế nào ư?

BÔK PRAO: Sợ gì thằng Noi nhỏ bằng sợi chỉ, bé bằng cái kim, đập và nuốt nó dễ như đập quả trứng, có khó gì đâu! Ta cũng tài giỏi kém gì. Nghe tên ta, cá cũng phải chui xuống đất, rắn cũng phải giật mình, rồng cũng phải nhồm dậy ngó xem. (...) Này Noi, mày hãy chờ xem, ta sẽ đánh bằng búa thần của Drang Hạ – Drang Hơ đây này.

Bôk: dành gọi những người già được vị nể trong cộng đồng.

Bòk Prao vung tay lên, búa thần chạm núi, núi đá vỡ tan, lông tua tủa như lông nhím, lão hạ tay xuống trong chiếc khiên của Noi, các mảnh khiên to bằng núi con bắn ra tung tóe. Lão tưởng đã đánh trúng Noi rồi, không ngờ Noi vẫn ngồi đó ung dung hút thuốc. Thuốc của chàng vàng nhỏ như sợi thuốc người Doãn, thơm như mùi ruột cây kơ lâu, ngọt như mật con ong rừng. Bòk Prao tức lắm, lão chửi:

– Mày tài giỏi thật. Mày hãy chờ ta làm một lần nữa. Chắc chắn mày sẽ chết.

Lại một lần nữa, búa cắm sâu xuống đất, bòk Prao nhổ búa lên, vẫn thấy khói bay mù mịt. Noi vẫn ngồi hút thuốc ung dung.

Bòk Prao đã bảy lần đánh, bàn tay lão bị phỏng lên như người ta nướng da heo, nhưng vẫn không trúng Noi.

ĐẮM NOI: Ông ơi, đánh đi, đánh nữa đi. Ông nói ta nhỏ bằng sợi chỉ, bé như cái kim. Vậy ông hãy đánh nữa đi.

Noi vẫn đứng hiên ngang, người chàng hùng hực lửa, nói tiếp:

– Ở Prao, lão không biết tên ta sao? Nghe tên ta, con cá chình sông Ba phải chui xuống đất, con trăn lớn phải giật mình, con rồng trời phải nhòm dậy ngó xem. Ở Prao, bây giờ ta muốn hỏi thăm sức khỏe của lão!

Noi rút gươm có bôi thuốc Kleng klong chém một nhát vào Prao. Prao liền lấy chiếc khiên ngăn trời ra, làm cho trời đất mù mịt không nhìn thấy gì. Noi liền quay khiên Lôn lang và Tia chớp mặt trời. Bỗng nhiên nắng chói chang chiếu sáng núi rừng, trời đất. Noi nhìn thấy Prao nằm co quắp trong chiếc khiên của lão, giữa nước biển mênh mông, không ai có thể chém được. Chàng gọi Prao:

– Ông ơi, hãy chờ xem!

Rồi chàng lấy thuốc bôi vào gươm và chỉ cần vung lên một nhát, mây đã tán đi tan tác, lão Prao bị đứt làm đôi, lão cố sức nổi lại mà không được, lão liền bị rơi xuống biển...

(Trích: **Đằm Noi**, sử thi Ba na, in trong Tổng tập văn học Việt Nam, tập 39, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.597-600)

----- HẾT -----

- *Thí sinh không được sử dụng tài liệu;*
- *Giám thị không giải thích gì thêm.*

ĐỀ THI BẮM SẮT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 10

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Kể ra: thích cho người sống mà ghét việc giết người, đó là một người tướng có nhân nghĩa; xét biết thời cơ mà lượng sức mình là một người tướng có tri thức. Ta kính vâng mệnh trời, lấy đại nghĩa chuyên việc đánh dẹp, nghĩ đến cơ đồ tổ tông bị nguy đổ, thương nỗi đời sống nhân dân phải lầm than, đánh thành lấy đất không giết một người. Cho nên đánh đông dẹp tây, không nơi nào không phục.

Thành Xương Giang nhỏ mọn kia dám chống lại mệnh trời, ta nổi giận đi đánh, nghĩa nên phải thế, sự không được dừng. Nhưng đem sức Thái Sơn đè bẹp quả trứng, sức không chịu được bao lâu; lấy lửa đỏ rực đốt cháy lông gà, thế khó đương được chốc lát. Lấy thuận mà đánh kẻ nghịch, lo gì không phải theo; lấy mạnh mà đánh kẻ yếu, lo gì không đánh được. Vậy mà ta còn lấy lời nói chăm chăm hiểu dụ, bởi vì nhân mạng trong thành là hệ trọng nên không nỡ làm cho thương tổn. Và lại các xứ Tân Bình, Diễn Châu, Nghệ An, Thuận Hóa thành không phải là không cao, hào không phải là không sâu, thóc không phải là không nhiều, binh không phải là không giỏi, thế mà đô đốc họ Thái cùng các quan đều bỏ thành ra hàng, đem quân theo mệnh, vì họ hiểu rõ việc thành hay bại đều có mệnh trời nên không dám trái. Bọn các người nếu biết trên xét trời, dưới suy việc người thì có thể giữ được vị lộc (vị trí và bổng lộc) đến vô cùng, khỏi để nhân dân một thành bị chém giết; lũ các người được là người trí thức mà ta cũng không mất tiếng là một tướng có nhân nghĩa. Nếu mà cứ mê muội không hiểu biết gì, thì đến ngày thành bị hạ, ngọc đá không phân biệt, không phải là ta làm cho bạo ngược bừa bãi, mà là tự lũ các người làm ra tội nghiệt đó thôi. Đó thực là lúc còn mất nguy cấp đấy, nên tính cho kỹ, chớ để hối về sau. Thư nói không hết lời.

(Trích: *Thư dụ hàng các tướng sĩ trong thành Xương Giang*, Nguyễn Trãi, in trong *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2. Nêu luận đề của văn bản?

Câu 3. Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần?

Câu 4. Phân tích sức thuyết phục của nghệ thuật lập luận được thể hiện ở văn bản trên?

Câu 5. Văn bản trên giúp anh/ chị rút ra được bài học gì cho cuộc sống của bản thân? Lí giải?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về sự cần thiết phải biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống.

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích hình tượng người mẹ được thể hiện trong đoạn thơ sau:

Con bị thương, nằm lại một mùa mưa

Nhớ dáng mẹ ân cần mà lặng lẽ

Nhà yên ắng, tiếng chân đi rất nhẹ,

Gió từng hồi trên mái lá ủa qua.

[...]

Con xót lòng, mẹ hái trái bưởi đào

Con nhạt miệng, có canh tôm nấu khế

Khoai nướng, ngô bung, ngọt lòng đến thế

Mỗi ban mai toả khói ấm trong nhà.

Ba con đầu đi chiến đấu nơi xa

Tình máu mủ mẹ dồn con hết cả,

Con nói mơ những núi rừng xa lạ

Tỉnh ra rồi, có mẹ, hoá thành quê!

(Trích: **Mẹ**, Bằng Việt²³, in trong *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2010)

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGŨ VĂN KHỐI 10

ĐỀ THI BĂM SÁT CẤU TRÚC ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025 MÔN NGŨ VĂN

*Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)*

CD – KNTT - CTST



HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 1

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ ba. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Cây smuk và smun có quan hệ gì với Hơ Nhị và Hơ Bệ: Đó là những cây sinh ra Hơ Nhị, Hơ Bệ. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Nhận xét về nhân vật Đăm Săn: – Đăm Săn là một người tù trưởng có uy danh đối với các tù tở (chàng kêu gọi được các tù tở cùng mình đi đón cây thần. – Đăm Săn là người dũng cảm, dám chống lại thần quyền (chặt cây smuk và smun, là hai cây thần sinh ra Hơ Nhị và Hơ Bệ. Đây chính là	1,0

		<p>hình ảnh ẩn dụ cho việc chống lại ông Trời, vì chính ông Trời đã bắt Đăm Săn phải lấy Hơ Nhị và Hơ Bhi theo tục nối dây).</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm 	
	4	<p>Quan điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá cao giá trị hiện thực trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du; – Phê phán chế độ phong kiến thời kì suy tàn. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	1,0
	5	<ul style="list-style-type: none"> – Qua văn bản, người Ê đê gửi gắm ước mơ, khát vọng về sự tự do, tự chủ của con người: mong muốn con người dám đối mặt và chống lại thần quyền để tự tạo dựng số phận của mình. – Ước mơ đó vẫn còn phù hợp với xã hội hôm nay, vì: + Trong xã hội hiện nay, vẫn còn nhiều người mê muội, phó mặc số phận vào tay những đấng thần linh mà bỏ quên sự tự chủ, nỗ lực của bản thân. + Trong xã hội nào cũng vậy, con người vẫn luôn cần phải tự làm chủ, tự kiến tạo nên số phận của chính mình. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật thần thoại trong văn bản “Thần Nam, thần Nữ”.</p>	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: – Nhân vật là thần linh – Thân hình hết sức to lớn – Sức mạnh phi thường: Tứ Tượng có một đôi thúng vĩ đại, có thể chứa 	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý 	0,5

		- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và dẫn chứng.	
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về vấn đề: thói ỷ lại trong cuộc sống.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Nói về lối sống ỷ lại. – Đây là một thói xấu, một lối sống tiêu cực, bản thân không đồng tình với lối sống này, và thấy cần phải lên án. 2. Triển khai vấn đề cần nghị luận: 2.1. Giải thích: Ỗ lại là lối sống không độc lập, không tự chịu trách nhiệm về bản thân, trái lại, chỉ dựa dẫm, nhờ vả, phó mặc cuộc sống của mình cho người khác. 2.2. Tác hại của thói ỷ lại: – Ỗ lại khiến con người đánh mất ý chí phấn đấu; – Ỗ lại khiến con người không hoàn thiện được bản thân; – Ỗ lại khiến con người đánh mất đi lòng tự trọng, bị người khác coi thường, ghét bỏ;... 2.3. Nguyên nhân: – Do sự hạn chế trong nhận thức của bản thân; – Do sự nuông chiều của gia đình; – Do sinh ra trong những hoàn cảnh quá thuận lợi;... 2.4. Giải pháp: – Nhận thức được tác hại của lối sống ỷ lại; – Thay đổi môi trường và cách thức giáo dục; – Có những biện pháp mạnh nếu cần thiết: răn đe, trừng phạt... 3. Rút ra bài học cho bản thân: – Tránh xa lối sống ỷ lại; – Hình thành cho mình lối sống độc lập, tự chủ.	1,0
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		<i>đ. Diễn đạt</i>	0,25

		<i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</i>	
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm			10,0

GV: Triệu Thị Phương Thúy

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGŨ VĂN KHỐI 10

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Nhân vật chính trong đoạn trích là: Xing Nhã Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Đề tài: Chiến tranh giữa các cộng đồng Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Sự khác nhau của biện pháp tu từ so sánh trong hai câu: – Câu 1: Làm nổi bật tài năng, sức mạnh của Xing Nhã – Câu 2: Cho thấy sự bất tài, yếu kém của Gia Rơ Bú Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Nhận xét một phẩm chất nổi bật của Xing Nhã: Học sinh có thể chỉ ra một trong các phẩm chất như: tài năng, dũng cảm, nhân đạo,... Tham khảo: – Dũng cảm (dám một mình tự tin đối đầu với anh em nhà Gia Rơ Bú) – Lòng dũng cảm ấy đã giúp cho Xing Nhã giành được chiến thắng, thu phục được cộng đồng Gia Rơ Bú. – Giúp cho bản thân thấy được cần có lòng dũng cảm trong cuộc sống. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	– Ước mơ về một cuộc sống hòa bình, cái xấu cái ác sẽ bị tiêu diệt. – Trong xã hội hôm nay, ước mơ về một cuộc sống hòa bình và tươi đẹp vẫn luôn là một ước mơ cháy bỏng, bởi chỉ có hòa bình, con người mới có thể tạo dựng cho mình một cuộc sống no ấm và hạnh phúc. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0

		<i>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</i>	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật, không gian và thời gian thần thoại trong văn bản “Thần Tử, thần Sinh”.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên: – Nhân vật: là thần linh, có xuất xứ kì lạ (mang thai 69 tháng mới sinh); có khả năng phi thường (mạnh khoẻ hết sức thông minh, trí nhớ phi thường, có thể nhớ đủ những chuyện nhỏ nhặt xảy ra ở khắp nơi). – Không gian: bao gồm nhiều cõi (cõi trời và cõi người). – Thời gian: cổ xưa, không xác định.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về vấn đề: sống không định hướng.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Nói về lối sống không định hướng. – Đây là một lối sống tiêu cực, cần loại bỏ. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích: Sống không định hướng là lối sống mà ở đó con người không xác định được mục đích và ý nghĩa của cuộc sống. 2.2. Tác hại:	1,0

	<ul style="list-style-type: none"> – Không có động lực để rèn luyện và phấn đấu; – Không có động lực để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống; – Không tìm thấy được niềm vui, niềm hạnh phúc đích thực trong cuộc sống; – Không xác lập được giá trị của bản thân, do đó thường bị người khác xem thường, xa lánh, ghét bỏ;... <p>2.3. Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Do giáo dục gia đình và nhà trường; – Do bản thân không có sự kiên trì và nỗ lực để thấu hiểu chính mình, lười biếng trong việc xác định và hoàn thành mục tiêu sống;... <p>2.4. Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Có những giải pháp giáo dục phù hợp với mỗi cá nhân, để phát hiện và khích lệ mỗi người sớm xác định được định hướng cho cuộc sống của bản thân họ; – Mỗi cá nhân cần kiên trì, nỗ lực tu dưỡng, nhằm hiểu được sở trường, sở đoản của bản thân, từ đó thấy được mục đích sống của mình;... <p>3. Rút ra bài học cho bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần tránh xa lối sống không định hướng; – Cần sớm xác định cho mình mục tiêu sống, từ đó nỗ lực để đạt được mục tiêu đã đề ra;... <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p><i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</i></p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

GV: Triệu Thị Phương Thúy

ĐỀ THI BẮM SẮT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 3**

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
Phần		ĐỌC HIỂU	4,0
I	1	<p>Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời 2 phương thức, trong đó có 1 phương thức đúng: 0,25 điểm. - HS trả lời 3 phương thức trở lên, trong đó có 1 phương thức đúng: 0 điểm. - HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm 	0,5
	2	<p>Phương thức xuất hiện của chủ thể trữ tình: Xuất hiện gián tiếp (ẩn danh).</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời không đầy đủ: 0,25 điểm - HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm 	0,5
	3	<p>Tác dụng của biện pháp tu từ đối trong hai dòng thơ:</p> <p>Hoa còn phong nhụy ong ve vãn, Gió đã phai hương bướm tả tôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sự hài hòa, cân đối cho câu thơ – Cho thấy sự éo le, hẩm hiu của thân phận người phụ nữ: khi còn xuân sắc thì bao người tìm đến, nhưng khi đã qua qua buổi xuân thì thì không còn có kẻ đoái hoài. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - HS nêu được 2 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của liệt kê: 0,75 điểm. - HS nêu được 1 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của phép liệt kê: 0,5 điểm. - HS nêu biểu hiện của phép liệt kê, không nêu được hiệu quả của phép liệt kê: 0,25 điểm. - HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm 	1,0
	4	<p>Chủ đề của văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cho thấy thân phận hẩm hiu của người phụ nữ khi đã qua tuổi xuân xanh mà vẫn chưa tìm được hạnh phúc cho mình. – Bày tỏ thái độ thương cảm với số phận hẩm hiu ấy. – Ngầm lên án tạo hóa, cuộc đời đã sinh ra người phụ nữ “hồng nhan bạc phận”, “hồng nhan đa truân”. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 1.0 điểm - HS trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - HS trả lời không đúng đáp án hoặc không trả lời: 0 điểm 	1.0
	5	<p>Suy nghĩ gì về sự khác biệt giữa thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến và xã hội hiện nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến: do bị ràng buộc bởi lễ giáo phong kiến, họ không được làm chủ, tự quyết định số phận, hạnh phúc của mình, chỉ như loài hoa để bướm ong ve vãn, chán chường rồi lại bỏ đi. – Thân phận người phụ nữ trong xã hội ngày nay: do đã được giải phóng khỏi những trói buộc của lễ giáo, họ có quyền chủ động trong việc tìm kiếm hạnh phúc, tự kiến tạo nên số phận của mình. 	1.0

		Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 1.0 điểm	
II		PHẦN VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tư Mun trong văn bản “Xing Chơ Niép”.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> - Dung lượng đoạn văn: khoảng 200 chữ - Hình thức: thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo một trong các cách sau: diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài Tự tình I của Hồ Xuân Hương.	0.25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: – Chiêm Tư Mun là người anh hùng có sức mạnh phi thường: đánh nhau bảy ngày, bảy tháng, bảy năm với Đăm Chút; năm ngày, năm tháng, năm năm với Đăm Săn; rồi chàng lại tiếp tục đánh nhau với Đăm Chết nhưng sức lực vẫn tràn trề. – Chiêm Tư Mun là người anh hùng có tài năng phi thường: nhờ tài năng ấy nên dù Đăm Chút, Đăm Săn, Đăm Chết đều là những kẻ thù có võ nghệ cao cường, nhưng cuối cùng Chiêm Tư Mun vẫn đánh đuổi và giết chết được kẻ thù. – Chiêm Tư Mun là hình ảnh đại diện cho sức mạnh cộng đồng, cho ước mơ về một tù trưởng vĩ đại, người có thể lãnh đạo và bảo vệ cộng đồng trước mọi thế lực xấu xa.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ Tự tình I. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về vấn đề bình đẳng giới.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội (về một tư tưởng đạo lí)	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: về đam mê đối với tuổi trẻ.</i>	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận.</i> - Xác định được ý chính của bài viết. - Xác định các ý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề cần nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Vấn đề nghị luận: Bình đẳng giới. – Đây là vấn đề cho đến nay vẫn còn mang tính thời sự, cần phải được bàn luận, có cái nhìn thấu đáo và từ đó có các giải pháp để thực hiện một cách triệt để. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích:	1,0

	<p>Bình đẳng giới là việc thực hiện các giải pháp để cho quyền lợi giữa nam và nữ phải được tôn trọng ngang bằng nhau về cả mặt đạo lý lẫn pháp luật.</p> <p>2.2. Thực trạng của việc bình đẳng giới:</p> <p>Dù vấn đề bình đẳng giới đã được nêu ra từ lâu trong lịch sử, và đã có cả một cuộc đấu tranh lâu dài, tuy nhiên, cho đến ngày nay, xã hội vẫn còn hiện tượng “trọng nam khinh nữ”. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ở một số nơi, phụ nữ vẫn bị ép buộc trong hôn nhân; – Phụ nữ ở một số nơi, nhất là nông thôn và miền núi, vẫn bị ngược đãi, bạo hành; – Ở một số tổ chức kinh doanh, chính trị, phụ nữ vẫn phải làm những công việc kém quan trọng, với mức lương thấp hơn nam giới;... <p>2.3. Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Do việc tồn tại những quan niệm xưa cũ, lạc hậu về vai trò, vị thế của người phụ nữ trong gia đình và xã hội; – Do nam giới vẫn luôn tìm mọi cách để áp chế phụ nữ, nhằm giữ cho mình vị thế độc tôn; – Do các tổ chức bảo vệ phụ nữ, các văn bản pháp luật chưa thực sự chặt chẽ, sát sao trong việc bảo vệ phụ nữ; – Do một thiểu số phụ nữ vẫn chưa ý thức được đầy đủ quyền bình đẳng của mình; chưa mạnh mẽ lên tiếng đấu tranh đòi quyền lợi chính đáng cho mình; ... <p>2.4. Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mỗi người phụ nữ cần ý thức được quyền bình đẳng của mình đã được pháp luật quy định và bảo vệ; – Cần tuyên truyền sâu rộng để mọi cá nhân, nhất là nam giới hiểu và thực hiện quyền bình đẳng giới; – Pháp luật cần có những hình phạt thích đáng đối với các cá nhân có hành vi xâm phạm quyền bình đẳng giới của phụ nữ;... <p>3. Rút ra bài học cho bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần ý thức một cách sâu sắc và nghiêm túc về việc nam nữ bình quyền; – Cần nhận thức được vai trò quan trọng của người phụ nữ trong xã hội, nhất là xã hội hiện đại; – Cần có những ứng xử phù hợp, tôn trọng đối với người phụ nữ;... <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.</p>	
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<p><i>đ. Diễn đạt:</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
	TỔNG ĐIỂM: I + II = 10,0	10,0

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGŨ VĂN KHỐI 10

ĐỀ THI BẮM SẮT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 4

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	<p>Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.</p>	0,5
	2	<p>Các chữ có tác dụng hiệp vần trong văn bản: chèo, quê, mê, te, khoe.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời từ 02 chi tiết hoặc như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 01 chi tiết: 0,25 điểm</p>	0,5
	3	<p>Tác dụng của tác từ lấy tượng thanh được sử dụng trong văn bản:</p> <p>– Các từ lấy tượng thanh: quang quác quác, tè tè te.</p> <p>– Tác dụng:</p> <p>+ Mô phỏng âm thanh của các loài vật</p> <p>+ Là tiếng gọi của thời gian, của quê hương, cũng là sự giục giã của lòng người, khiến người xa quê muốn từ bỏ chốn quan trường để quay về quê cũ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh chỉ nêu được chủ đề về lòng hiếu thảo của anh Hết: 0,5 điểm.</p>	1,0
	4	<p>Tâm sự của nhân vật trữ tình:</p> <p>– Nỗi nhớ mong quê hương tha thiết.</p> <p>– Nỗi phân vân, lòng mong mỏi muốn rời xa chốn quan trường xô bồ, thị phi để trở về với quê hương, với thiên nhiên yên bình nhằm “lánh đục tìm trong”.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh nêu được phẩm chất mà không nhận xét: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh nhận xét mà không chỉ ra được phẩm chất nổi bật của nhân vật: 0,75 điểm</p>	0,25 0,75
	5	<p>Suy nghĩ về vai trò của quê hương đối với mỗi con người:</p> <p>– Quê hương là nơi ta sinh ra, là nơi gắn liền với những năm tháng ấu thơ tươi đẹp, nơi bồi dưỡng tâm hồn và nhân cách của ta trong những thời khắc đầu đời.</p> <p>– Quê hương là nơi có gia đình, có hàng xóm láng giềng, có hơi ấm của sự chở che, tình yêu thương.</p> <p>– Quê hương là bến đỗ của con người sau những giông bão của cuộc đời.</p> <p>Hướng dẫn chấm</p> <p>- Học sinh rút ra được thông điệp: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh lí giải thuyết phục: 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh có thể rút ra thông điệp khác so với đáp án nhưng phù hợp với nội dung văn bản thì giám khảo vẫn cho điểm.</p>	
II		LÀM VĂN	
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Đăm Di trong văn bản “Đăm Di đi săn”.	2.0

		a) <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> <i>Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ).</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cảm xúc của chủ thể trữ tình trong văn bản “Nhớ” của Nguyễn Đình Thi</i>	0,25
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: – <i>Đằm Di là người anh hùng luôn đứng ra gánh vác trọng trách của cộng đồng: anh đã tập hợp mọi người lại để cùng bàn bạc, lên kế hoạch, nhằm kéo sang làng Ca Rơ Bú để trả mối thù chung.</i> – <i>Đằm Di là người anh hùng có uy tín, có khả năng hiệu triệu dân làng. Khi anh đưa ra mệnh lệnh, dân làng đều nghe theo.</i> – <i>Đằm Di là người được vị nể, nhưng anh luôn dân chủ trong mọi vấn đề: lắng nghe ý kiến của mọi người, và làm theo những ý kiến hợp lý.</i> – <i>Đằm Di luôn trăn trở, lo lắng cho dân làng. Đêm trước khi kéo sang làng Ca Rơ Bú, anh đã trăn trở không ngủ được vì thương cha mẹ, thương dân làng, thương em, thương vợ bị bọn nhà Ca Rơ Bú bắt làm nô lệ.</i> => <i>Đằm Di là hiện thân cho vẻ đẹp của một con người hết lòng lo lắng và chiến đấu cho cộng đồng.</i> * <i>Sắp xếp được hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.</i>	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
2		e) <i>Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về vấn đề: thực trạng đọc sách của giới trẻ hiện nay.	5.0
		a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> bày tỏ ý kiến của bản thân về <i>tinh thần lạc quan</i> của con người trong cuộc sống.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết. - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận. * Triển khai vấn đề cần nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Giới thiệu vấn đề nghị luận: thực trạng đọc sách của giới trẻ hiện nay. – Đây là một vấn đề mang tính thời sự, cần thiết phải đưa ra bàn luận. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Thực trạng: – Một bộ phận giới trẻ ngày nay vẫn còn niềm đam mê với sách. – Tuy nhiên, bên cạnh đó, có một bộ phận không nhỏ giới trẻ đã bỏ quên hoặc	1.0

	<p>chưa có thói quen đọc sách; thay vào đó, họ tìm đến các thú giải trí khác như mạng xã hội, tik tok, instagram, hay các cuộc tụ tập cà phê, trà sữa, nhậu nhẹt,...</p> <p>2.2. Lợi ích của việc đọc sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giúp con người suy tư sâu hơn về cuộc sống cũng như về bản thân mình. – Giúp trau dồi kiến thức và khả năng ngôn ngữ. – Giúp chúng ta tránh được những tiêu cực do mạng xã hội hay các cuộc tụ tập bạn bè có thể gây ra, như sa vào các nguồn tin fake, các trang web không lành mạnh, thói nói xấu người khác,... <p>2.3. Tác hại của việc không có thói quen đọc sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Người không đọc sách sẽ khiến bản thân trở nên hời hợt, nông cạn, không có được sự điềm tĩnh trong việc nhìn nhận cuộc đời và bản thân. – Không đọc sách khiến tâm hồn ngày càng trở nên chai sạn, thậm chí dẫn đến vô cảm. – Không đọc sách mà chỉ lướt face, xem ảnh khiến cho con người dần trở nên lười biếng, không có được sự kiên trì, tập trung cần thiết cho việc học tập. <p>2.4. Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần ý thức được tầm quan trọng của sách, nhất là sách giấy đối với cuộc sống con người. – Cần tuyên truyền và nhân rộng văn hóa đọc sách trong nhà trường và xã hội. – Cần xây dựng các tủ sách cá nhân, tủ sách gia đình, tủ sách dòng họ, tủ sách trường học,... Từ đó hình thành từ sớm cho con cái thói quen đọc sách. <p>3. Rút ra bài học cho bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần dành ra mỗi ngày một khoảng thời gian nhất định để đọc sách. – Cần tìm đến những cuốn sách bổ ích, phù hợp với bản thân để đọc. – Cần có cách đọc sách khoa học để mang lại hiệu quả cao nhất. <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.</p>	
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lựa chọn ít nhất được 2 luận điểm để bày tỏ được quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <p><i>Lưu ý:</i> Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10.0

GV: Triệu Thị Phương Thúy

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 5**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Những chữ in nghiêng để trong dấu ngoặc đơn được gọi là: chỉ dẫn sân khấu. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Những nhân vật xuất hiện trong văn bản: – Thị Phương – Trương Viên – Mẹ (mẹ của Trương Viên) Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Chủ đề của văn bản: – Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của Thị Phương: một người con dâu hiếu thảo, một người vợ chung thủy sắt son. – Gửi gắm khát vọng về việc con người khi ăn ở có đạo đức sẽ gặp dữ hóa lành, có kết cục viên mãn, hạnh phúc. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Cảm nhận ngắn gọn về Thị Phương: – Người con dâu hiếu thảo: chịu mọi khổ cực để nuôi mẹ, sẵn sàng cắt thịt mình, khoét mắt mình để cứu mẹ chồng. – Người vợ trọn lòng chung thủy với chồng: khi chưa nhận ra Trương Viên, Thị Phương quyết không lấy tiền công đàn hát, không chấp nhận những lời tình cảm; đòi Trương Viên phải đưa ra được bằng chứng mới nhận chàng là chồng mình. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Học sinh được tự do lựa chọn thông điệp, miễn là có lí giải thuyết phục. Tham khảo: – Thông điệp: ở hiền gặp lành. – Khi ăn ở có nhân có đức, con người sẽ thanh thản trong tâm hồn, được nhiều người yêu mến, và cuối cùng, hạnh phúc sẽ đến với ta. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm	1,0

		<p>- Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm</p> <p>- Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm</p> <p>- Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nghệ thuật sử dụng hình ảnh trong bài thơ “Thu” của Xuân Diệu.	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên:</p> <p>– Hình ảnh thiên nhiên mùa thu:</p> <p>+ Sử dụng những hình ảnh thiên nhiên như: sương, nắng, khói, cảnh biếc, gió, mây, mưa, tiếng chim, hoa cúc vàng.</p> <p>+ Những hình ảnh đó được miêu tả một cách đặc sắc, gợi lên không khí đặc trưng của mùa thu: đó là một mùa thu thơ mộng, yên tĩnh và buồn man mác: sương thì trong vắt (nồn nà sương ngọc), nắng thì dịu nhẹ (nắng nhỏ bằng khuâng), không gian mờ ảo huyền hoặc (hư vô bóng khói), cảnh cây lay động nhẹ nhàng (cảnh biếc run run), gió nhẹ (gió thâm), mây tựa hồ đứng yên (mây lặng), tiếng chim cũng xa xăm vô định (mơ hồ trong một tiếng chim qua), ngày trở nên ngắn ngủi hơn (mới tạnh mưa trưa đã chiều tà), hoa cúc thì nở rộ (sắc mạnh huy hoàng).</p> <p>– Hình ảnh con người mùa thu:</p> <p>Mùa thu được miêu tả gắn với hình ảnh người thực nữ. Hòa mình vào thiên nhiên mùa thu, người con gái ấy cũng toát lên vẻ trầm lặng (ngừng thêu bức gấm), mơ mộng xa xăm (mắt như thuyền). Có lẽ cái lạnh của mùa thu khiến nàng đang mơ tưởng về hạnh phúc lứa đôi, về chàng trạng nguyên trong tưởng tượng của mình.</p> <p>– Hình ảnh thiên nhiên và con người đã làm cho bức tranh thu vừa mang phong vị cổ điển, vừa có vẻ đẹp lãng mạn hiện đại.</p>	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
		<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p>	0,25
		<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) giúp người khác thay đổi thói quen suy nghĩ tiêu cực.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài	0,25

	Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Vấn đề nghị luận: thói quen suy nghĩ tiêu cực. – Đây là một thói quen xấu, cần khắc phục. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích: Thói quen suy nghĩ tiêu cực là việc một người thường hay suy nghĩ, nhìn nhận mọi vấn đề trong cuộc sống theo hướng bất lợi, từ đó dẫn đến tâm lí bi quan, chán nản. 2.2. Tác hại của thói quen suy nghĩ tiêu cực: – Hình thành nên cái nhìn bi quan, yếm thế về cuộc sống, không còn tin tưởng vào những điều tốt đẹp ở cuộc đời và con người; – Không thể xác lập hoặc duy trì các mối quan hệ lành mạnh; – Làm nhụt ý chí, đánh mất động lực phấn đấu để cải thiện tình hình; – Dễ sa vào các tệ nạn xã hội;... 2.3. Lợi ích của việc thay đổi thói quen suy nghĩ tiêu cực: – Khiến bản thân trở nên vui vẻ, yêu đời, từ đó tạo nên động lực để phấn đấu; – Dám dũng cảm dẫn thân để thay đổi hoàn cảnh; – Xây dựng được những mối quan hệ tốt đẹp; – Mở ra những cơ hội tốt đẹp cho tương lai;... 2.4. Giải pháp để thay đổi thói quen suy nghĩ tiêu cực: – Nhận thức được tác hại của thói quen suy nghĩ tiêu cực cũng như những lợi ích có được khi từ bỏ thói quen đó; – Chấp nhận mặt tiêu cực của cuộc sống như là một sự hiển nhiên mà cuộc sống này phải có, đồng thời xoay chuyển cái nhìn sang hướng tích cực; – Tham gia tích cực vào những hoạt động vì cộng đồng; – Kết bạn với những người có suy nghĩ tiêu cực;... 3. Rút ra bài học cho bản thân: – Tránh xa thói quen suy nghĩ tiêu cực – Tập thói quen suy nghĩ tích cực trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân	1,0
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i>	

		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm			10,0

GV: Triệu Thị Phương Thúy

ĐỀ THI BẮM SẮT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 6**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Lời chỉ dẫn sân khấu được sử dụng trong văn bản: (nói sử) Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Dương Lễ nhờ Châu Long đi nuôi bạn mình là Lưu Bình ăn học thành tài. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Nhận xét về nhân vật Dương Lễ: – Là một người hết lòng vì bạn bè; – Là một người biết suy xét, tính toán hợp tình hợp lý: chịu mang tiếng bội bạc để khích lệ tinh thần của bạn, để cho bạn vì giận mà sẽ quyết tâm học hành đỗ đạt. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Nhận xét về nhân vật Châu Long: – Là người vợ hiền, chịu hy sinh vì chồng; – Là một người sâu sắc: khi nhận lời đi nuôi bạn chồng, nàng đã suy xét kỹ lưỡng mọi bề và bày tỏ điều đó với Dương Lễ: sợ không giữ được danh tiếng, sợ sau này chồng vì nghi ngờ mà hắt hủi. – Là một người phụ nữ trung trinh: Lòng thiếp có đôi vàng nhật nguyệt. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Suy nghĩ về vẻ đẹp của tình bạn: – Tình bạn là một trong những thứ tình cảm bình đẳng và cao đẹp; – Tình bạn giúp con người có chỗ dựa, có động lực để vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống; – Tình bạn giúp con người hoàn thiện bản thân, trở nên cao thượng hơn. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm	1,0

		<p>- Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm</p> <p>- Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	
II		VIẾT	6,0
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích chủ đề của bài thơ “Từ ngày cha mất”.</p>	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên:</p> <p>– Chủ đề: bài thơ thể hiện nỗi buồn đau, nhưng nhớ của người con đối với người cha đã mất của mình.</p> <p>– Phân tích:</p> <p>+ Cha mất đi để lại cho mẹ một nỗi buồn khôn khỏa lấp, dù các con có bên cạnh thì cũng không thể thay thế được cha.</p> <p>+ Cha mất đi làm cho ngôi nhà trở nên trống vắng, tiêu điều: căn nhà trở nên tàn tạ, vườn tược xác xơ, mái ngói rêu phong.</p> <p>+ Cha mất đi khiến cho ngôi nhà cũng mất đi sự sum vầy, ấm cúng: những đứa con mỗi người mỗi ngả.</p> <p>Bài thơ cho ta thấy được vai trò không gì có thể thay thế được của người cha đối với mỗi gia đình, từ đó giúp ta thêm trân trọng, yêu quý cha mẹ của mình hơn.</p>	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
		<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p>	0,25
		<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	<p>Ý chí là sức mạnh. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về nhận định trên.</p>	4,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</p>	0,5
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</p> <p>- Xác định được các ý chính của bài viết</p> <p>- Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:</p> <p>* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</p> <p>* Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>1. Giới thiệu vấn đề nghị luận về nêu khái quát quan điểm cá nhân về</p>	1,0

	<p>vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nghị luận về nhận định: Ý chí là sức mạnh. – Đây là một nhận định đúng đắn, có nhiều ý nghĩa. <p>2. Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>2.1. Giải thích:</p> <p>Phép so sánh Ý chí là sức mạnh cho ta thấy được vai trò quan trọng của ý chí, nó là điều kiện, là yếu tố tạo nên động lực để con người đạt được mục đích của mình.</p> <p>2.2. Bàn luận về tính đúng đắn của nhận định:</p> <p>Ý chí là sức mạnh, quả thực như vậy, bởi:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khi có ý chí, ta có đủ can đảm để khắc phục những nhược điểm, phát huy, trau dồi tài năng, từ đó hoàn thiện bản thân; – Khi có ý chí, ta sẽ đủ bền bỉ và kiên trì để vượt qua mọi thử thách, khó khăn, hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong công việc; – Khi có ý chí, ta sẽ đủ dũng cảm để tránh xa những thứ vô bổ, những tệ nạn xã hội, tập trung mọi nguồn lực tinh thần và vật chất vào những việc làm có ích; – Khi có ý chí, ta sẽ được mọi người kính trọng, mến yêu, kết bạn, giúp đỡ;... <p>2.3. Phê phán những biểu hiện sai lệch:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phê phán những con người dùng ý chí của mình vào những mục đích tiêu cực. – Phê phán những con người có ý chí nhưng thiếu kế hoạch, phương pháp; – Phê phán những con người thiếu ý chí;... <p>3. Rút ra bài học cho bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần ý thức được vai trò quan trọng của ý chí; – Cần rèn luyện cho mình một ý chí bền bỉ, sắt đá cộng với cách làm việc khoa học để có được thành công trong cuộc sống. <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p><i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</i></p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

GV: Triệu Thị Phương Thúy

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 7**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Thể thơ: Thất ngôn xen lục ngôn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	0,5
	2	<p>Biện pháp tu từ đối.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm 	0,5
	3	<p>Nội dung của hai câu thơ:</p> <p>Dễ hay ruột bề sâu cạn, Khôn biết lòng người vẫn dài.</p> <p>Có thể hiểu là: Biền sâu hay cạn có dễ dò, còn lòng người ngắn hay dài thật khó để mà biết được. Hai câu này muốn nói về lòng dạ con người hiểm sâu, khó mà đoán biết.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm 	1,0
	4	<p>Chủ đề của bài thơ:</p> <p>Bài thơ thể hiện những suy ngẫm của Nguyễn Trãi về thế sự và về bản thân mình: muốn lánh khỏi chốn của quyền đầy rẫy thị phi, tránh xa chốn lòng người nham hiểm, mặc kệ thói đời để sống cuộc sống thanh nhàn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	1,0
	5	<p>Suy nghĩ về lợi ích của lối sống thanh nhàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Dem lại sự thư thái cho tâm hồn; – Giúp con người không bị cuốn theo tiền tài, danh vọng; – Có những suy nghĩ, nhìn nhận sâu sắc hơn về cuộc đời;... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p><i>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</i></p>	1,0
II		VIẾT	6,0

1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Mạn thuật” bài 8.	2,0
	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.	0,25
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận – Nhân vật trữ tình trong bài thơ là một người coi thường công danh, phú quý: chân chẳng lợt đến cửa vương hầu; đem công danh đổi lấy cần câu. – Là một người thích cuộc sống tự do, không bị ràng buộc, không mong cầu những thứ viễn vông: liệu cửa nhà xem bằng quán khách, thân đã hết lụy thân nên nhẹ; Bụt ấy là lòng Bụt há cầu. – Tuy vậy, nhân vật trữ tình vẫn là một con người luôn trăn trở, lo âu cho dân cho nước. Dù sống trong cảnh thanh nhàn, vui thú điền viên, nhưng vẫn canh cánh nỗi nợ nước ơn vua chưa báo đáp. Đây chính là vẻ đẹp nổi bật trong tâm hồn Nguyễn Trãi, bao giờ cũng nghĩ về đất nước. Người ta nói ông “nhàn thân chứ không nhàn tâm” là vì vậy.	0,5
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: lối sống năng động của người trẻ trong xã hội hiện nay.	4,0
	a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0,5
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Mỗi con người có thể chọn cho mình một lối sống, sống năng động cũng là một trong những lựa chọn của nhiều bạn trẻ hiện nay. – Đây là một lối sống tích cực, phù hợp với xu thế của xã hội hiện đại. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích: Lối sống năng động có thể hiểu là lối sống dẫn thân, thích hoạt động, thích tìm tòi khám phá những điều mới mẻ.	1,0

	<p>2.2. Lợi ích của lối sống năng động:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lối sống năng động làm cho tuổi trẻ trở nên hoạt bát, tự tin hơn trong mọi tình huống. – Lối sống năng động giúp cho người trẻ có nhiều trải nghiệm thú vị, rút ra được nhiều bài học bổ ích, từ đó hoàn thiện bản thân. – Lối sống năng động sẽ đem lại cho tuổi trẻ nhiều cơ hội để thăng tiến trong công việc. – Lối sống năng động sẽ giúp cho người trẻ tạo lập được nhiều mối quan hệ cần thiết cho cuộc sống sau này. <p>2.3. Giải pháp để có được lối sống năng động:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể. – Cố gắng sống nhiều trong đời thực thay vì trên không gian ảo. – Kết giao với những người năng động. <p>2.4. Mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sống năng động nhưng không nên tùy tiện, lối sống này cần đi kèm với khả năng suy xét, tính toán cẩn thận, để tránh những sai lầm đáng tiếc. – Người sống năng động cũng cần có những khoảnh khắc trầm lắng, để cân bằng cảm xúc, điều hòa tâm hồn, từ đó có những suy nghĩ sâu sắc, dẫn đến hành động đúng đắn hơn. <p>3. Rút ra bài học cho bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần tránh xa lối sống bị động, thụ ti. – Cần hình thành cho mình lối sống năng động, sáng tạo. <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

ĐỀ THI BẮM SẮT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản trên thuộc thể loại: Thuyết minh tổng hợp. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Các yếu tố hình thức được sử dụng trong văn bản là: Nhan đề, sapo, các dòng in đậm. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Văn bản được chia làm 3 phần: – Phần 1: hai biến cố lớn trong cuộc đời Plato khi ông còn trẻ – Phần 2: Plato thành lập ngôi trường Academy – Phần 3: Vị trí của Plato trong lịch sử Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Phân tích mối liên hệ giữa các phần trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản: Các phần trong văn bản có quan hệ chặt chẽ với nhau: Phần 1 cho ta thấy nguyên nhân dẫn tới việc thành lập ngôi trường Academy. Phần 2 làm rõ chương trình giáo dục ở ngôi trường Academy. Phần 3 đưa ra những đánh giá khái quát về vai trò của Plato và ngôi trường Academy đối với sự phát triển tư tưởng của nhân loại. Như vậy, cả 3 phần có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản: đó là đều tập trung nói về ngôi trường đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Suy nghĩ gì về vai trò của trường học đối với mỗi con người: – Trường học là môi trường để con người được hướng dẫn học tập, phát triển trí tuệ. – Trường học là nơi con người được rèn luyện, tu dưỡng phẩm cách, đạo đức. – Trường học cũng là nơi tạo ra sự gắn kết về tình thầy trò, tình bạn. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm	1,0

		<p>- Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm</p> <p>- Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm</p> <p>- Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về sức mạnh của tri thức.	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên:</p> <p>– Tri thức là công cụ giúp con người giải quyết mọi công việc trong đời sống, từ c – Có tri thức, con người sẽ sống văn minh hơn, ứng xử có văn hóa hơn.</p> <p>– Có tri thức, con người sẽ dễ dàng đạt được mục tiêu đề ra, tạo dựng được một cuộc sống no ấm, hạnh phúc.</p> <p>– Người có tri thức thường được người khác tín nhiệm, tôn trọng. ác lĩnh vực thường thức cho tới chuyên sâu.</p>	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
		<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p>	0,25
		<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích nhân vật thần tình yêu Eros trong văn bản.	4,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0,5
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</p> <p>- Xác định được các ý chính của bài viết</p> <p>- Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:</p> <p>* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</p> <p>* Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>1. Giới thiệu tác phẩm và nêu vấn đề cần nghị luận:</p> <p>– Giới thiệu tác phẩm: Thần thoại Hy Lạp là một trong những hệ thống thần thoại phong phú và đặc sắc của nhân loại. Đoạn trích đã cho ở đề bài là một trong những câu chuyện thi vị nói về một vị thần đặc biệt: thần tình yêu Eros.</p>	1,0

	<p>– Nêu vấn đề nghị luận: Phân tích nhân vật thần tình yêu Eros.</p> <p>2. Phân tích:</p> <p>– Như thường thấy trong thần thoại, nhân vật Eros ở văn bản trên là một vị thần, với những đặc điểm kì lạ và khả năng phi thường:</p> <p>+ Thần có đôi cánh bằng vàng, có thể bay đến mọi nơi nhanh như hơi gió.</p> <p>+ Thần có tài bắn cung vô cùng thiện xạ, không bao giờ trật đích, cho dù cái đích đó là con người hay thần linh.</p> <p>+ Thần có những mũi tên với chức năng kì lạ: những mũi tên khiến đôi lứa yêu nhau, và cũng có những mũi tên giết chết tình yêu, gây khổ đau, bất hạnh.</p> <p>– Với hình tượng thần tình yêu Eros, người Hy Lạp muốn đi vào lí giải nguồn gốc, bản chất của tình yêu, cũng như những đau khổ mà tình yêu đã gây ra cho loài người. Việc miêu tả thần tình yêu là một cậu bé đáng yêu, tinh nghịch, ta thấy được người Hy Lạp quan niệm tình yêu là một điều đẹp đẽ, đáng mơ ước, nó khiến con người trở nên trẻ trung, yêu đời; nhưng đồng thời tình yêu cũng ẩn chứa những thất thường, bồng bột, đại khờ,... như bản tính của một đứa trẻ.</p> <p>– Hình tượng thần tình yêu Eros cho ta thấy được trí tuệ thông minh, trí tưởng tượng phong phú của Hy Lạp cổ đại.</p> <p>3. Đánh giá khái quát vấn đề ở đề bài.</p> <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p><i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</i></p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

GV: Triệu Thị Phương Thúy

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 9**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Thuyết minh. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Các yếu tố hình thức được sử dụng trong văn bản là: Nhan đề, sapo, các tiêu đề in đậm. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Văn bản trên được chia làm 3 phần: – Phần 1: Nói về nội dung của môn học Ngữ văn trong chương trình 2018. – Phần 2: Nói về phương pháp giáo dục của môn Ngữ văn trong chương trình 2018. – Phần 3: Nói về các phương tiện cần có để thực hiện hoạt động dạy và học môn Ngữ văn trong chương trình 2018. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	– Mục đích: cung cấp cho người đọc những hiểu biết cơ bản về môn Ngữ văn trong chương trình 2018. – Căn cứ: + Căn cứ vào nhan đề và sapo + Căn cứ vào các thông tin chính trong văn bản. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Suy nghĩ gì về lợi ích của môn Ngữ văn đối với bản thân: – Môn Ngữ văn giúp bản thân trau dồi khả năng đọc hiểu và sử dụng tiếng Việt. – Giúp bản thân có công cụ ngôn ngữ để học tốt các môn học khác. – Giúp bản thân hiểu được cái hay cái đẹp của văn học, từ đó bồi dưỡng tâm hồn người học, hình thành các phẩm chất đạo đức tốt đẹp. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm	1,0

		- Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. (Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về thực trạng học môn Ngữ văn của học sinh hiện nay.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên: – Một bộ phận học sinh yêu thích môn học Ngữ văn, có nhiều tìm tòi, sáng tạo trong quá trình học tập, từ đó mà nâng cao được khả năng ngôn ngữ, tư duy và bồi dưỡng tâm hồn. – Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận không nhỏ ngày càng thờ ơ với môn Ngữ văn: không chịu khó đọc văn bản, không chịu khó thực hành viết, sao chép văn mẫu,... dẫn đến khả năng tư duy và ngôn ngữ kém phát triển. – Nguyên nhân của tình trạng lười học môn Ngữ văn có thể là do bản thân người học, cũng có thể là do chương trình và cách dạy học chưa phù hợp. Chúng ta cần khắc phục những hạn chế này, để mọi học sinh đều cảm thấy hứng thú khi học môn Ngữ văn.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích hình tượng nhân vật Đăm Nôi	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu khái quát tác phẩm và nêu vấn đề nghị luận: – Giới thiệu tác phẩm: “Đăm Nôi” là một trong những bộ sử thi nổi tiếng của người Ba na. Đoạn trích đã cho ở đề bài diễn tả lại cảnh Đăm	1,0

	<p>Nói giao chiến và đánh thắng bok Pao.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu vấn đề nghị luận: Phân tích hình tượng nhân vật Đăm Noi. <p>2. Phân tích hình tượng nhân vật Đăm Noi:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đăm Noi là người anh hùng dũng cảm: dù đối mặt với bok Pao có sức mạnh và tài năng phi thường, nhưng chàng vẫn điềm tĩnh, ung dung (mấy lần bok Pao đánh, chàng vẫn ung dung ngồi hút thuốc). Đăm Noi là người anh hùng có uy danh lừng lẫy (Nghe tên ta, con cá chình sông Ba phải chui xuống đất, con trăn lớn phải giật mình, con rồng trời phải nhòm dấy ngó xem). Đăm Noi là người anh hùng có tài năng phi thường: khi bok Pao làm cho đất trời tối mịt, chàng quay khiến để xua tan bóng tối, vung gươm khiến mây đen tan tã, và cuối cùng, chàng đã chém lão Pao đứt làm đôi, giành chiến thắng trong trận chiến cam go này. <p>3. Đánh giá khái quát vấn đề ở đề bài.</p> <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

GV: Triệu Thị Phương Thúy

ĐỀ THI BẮM SẮT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Luận đề của văn bản: Thuyết phục tướng sĩ thành Xương Giang ra hàng. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Văn bản có thể được chia làm 2 phần: – Phần 1: Nêu lí lẽ khái quát về một người làm tướng có nhân nghĩa và tri thức. – Phần 2: Phân tích cho tướng giặc thấy sức mạnh của ta và thế yếu của kẻ thù, từ đó khuyên dụ kẻ thù mở thành đầu hàng. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Phân tích sức thuyết phục của nghệ thuật lập luận được thể hiện ở văn bản: – Mở đầu bức thư, Nguyễn Trãi đã đưa ra những lí lẽ khái quát về việc một tướng lĩnh cần biết nhân nghĩa, biết thời thế. Từ đó tác giả khẳng định: quân ta vì biết theo nhân nghĩa, biết thuận thời thế nên đánh đâu thắng đó. Đây chính là cơ sở lí luận để ông triển khai luận điểm tiếp theo. – Ở luận điểm thứ hai: Nguyễn Trãi chỉ cho tướng giặc thấy rõ sức mạnh và sự tất thắng của quân ta nếu đánh thành: + Ta là đạo quân chính nghĩa, thuận theo mệnh trời. + Thế trận của ta mạnh hơn địch rất nhiều: đem sức Thái Sơn đè bẹp quả trứng, sức không chịu được bao lâu; lấy lửa đỏ rực đốt cháy lông gà, thế khó đương được chốc lát. Lấy thuận mà đánh kẻ nghịch, lo gì không phải theo; lấy mạnh mà đánh kẻ yếu, lo gì không đánh được. Nhân đó, Nguyễn Trãi lí giải vì sao ta không đánh thành, đó là vì nhân nghĩa chứ không phải vì sợ giặc: + bởi vì nhân mạng trong thành là hệ trọng nên không nỡ làm cho thương tổn. Cùng với việc phân tích lí lẽ cho tướng giặc hiểu, Nguyễn Trãi cũng phân tích cho tướng giặc thấy những lợi ích có được nếu ra hàng: Bọn các người nếu biết trên xét thời trời, dưới suy việc người thì có thể	1,0

		<p>giữ được vị lộc (vị trí và bổng lộc) đến vô cùng, khỏi để nhân dân một thành bị chém giết; lũ các người được là người trí thức mà ta cũng không mất tiếng là một tướng có nhân nghĩa.</p> <p>Đồng thời, ông cũng đưa ra cảnh báo nghiêm khắc đối với bọn giặc nếu chúng không chịu đầu hàng:</p> <p>Nếu mà cứ mê muội không hiểu biết gì, thì đến ngày thành bị hạ, ngọc đá không phân biệt, không phải là ta làm cho bạo ngược bừa bãi, mà là tự lũ các người làm ra tội nghiệt đó thôi. Đó thực là lúc còn mất nguy cấp đấy, nên tính cho kĩ, chớ để hối về sau. Lời lẽ trong bức thư rất kín kẽ, lí lẽ khó bề bác bỏ; giọng điệu lúc nhẹ nhàng, lúc mạnh mẽ, cứng rắn.</p> <p>+ khỏi để nhân dân một thành bị chém giết.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	
5		<p>Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là có lí giải thuyết phục. Tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bài học: cần biết sống nhân nghĩa. – Lí giải: sống nhân nghĩa giúp con người không làm tổn hại đến người khác, được trời người đồng lòng giúp đỡ, có được cuộc sống thanh thản, hạnh phúc. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về sự cần thiết phải biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống.	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên: – Cơ hội có khi chỉ đến một lần trong đời, và một khi đã trôi qua, có thể ta sẽ bỏ lỡ nó mãi mãi. – Bởi vậy, việc biết nắm bắt cơ hội là rất quan trọng, giúp mở ra những con đường mới, giúp ta rút ngắn thời gian nỗ lực, giúp ta sớm đạt được mục đích của mình. – Tuy nhiên, để nắm bắt được cơ hội, chúng ta cần luôn có sự chuẩn bị sẵn sàng, cần dũng cảm, chủ động khi thời cơ đến. 	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để 	0,5

		<p>làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. 	
		<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	<p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích hình tượng người mẹ được thể hiện trong đoạn thơ.</p>	4,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p>	0,5
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: <p>* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</p> <p>* Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>1. Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Bằng Việt thuộc lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà, tràn đầy cảm xúc. Đề tài thơ thường đi vào khai thác những kỉ niệm, những kí ức thời thơ ấu và gợi những ước mơ tuổi trẻ. Mẹ là bài thơ được Bằng Việt viết trong giai đoạn kháng chiến chống Mĩ, là một trong những bài thơ tiêu biểu của ông. Đoạn thơ ở đề bài được trích ra từ bài thơ này. – Nêu vấn đề nghị luận: Cảm nhận về hình tượng người mẹ trong đoạn thơ. <p>2. Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>Hình tượng người mẹ được nhà thơ tái hiện qua dòng hồi ức ngọt ngào, da diết. Đó là kỉ niệm về một mùa mưa, tác giả bị thương phải nằm lại trong ngôi nhà của một người mẹ miền Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cái đầu tiên hiện lên trong kí ức nhà thơ chính là hình dáng người mẹ: hình dáng ân cần mà lặng lẽ. Nó cho ta thấy được sự lo lắng, tình yêu thương của người mẹ dành cho đứa con xa lạ: vì yêu thương, lo lắng cho người con chiến sĩ, mẹ đã luôn bên cạnh để chăm lo, lại sợ đứa con giật mình tỉnh giấc nên mẹ luôn lặng lẽ, bước chân cũng nhẹ nhàng. – Người mẹ còn tận tình lo cho người chiến sĩ từng bữa ăn. Sự quan tâm của mẹ thật kịp thời, và luôn luôn làm sao để cho người con cảm thấy hài lòng nhất: Con xót lòng, mẹ hái trái bưởi đào/ Con nhạt miệng, có canh tôm nấu khế. Mọi thức ăn của nhà quê mà mẹ có, người mẹ đều dành cho đứa con xa lạ: khoai nướng, ngô bung. Người chiến sĩ cảm thấy thật ngọt lòng, cái ngọt đó vừa là của vị giác, cũng là cái ngọt ngào mà người con cảm nhận được từ tấm lòng yêu thương của người mẹ miền Nam. Chính tình thương của mẹ đã làm cho căn nhà ẩm áp, tình mẹ như bếp lửa, như ngọn khói sưởi ấm căn nhà, sưởi ấm lòng người con mỗi sớm mai. – Dù người mẹ và người chiến sĩ mới chỉ gặp gỡ lần đầu, nhưng người mẹ đã chăm sóc người chiến sĩ như người con ruột thịt của mình. Mẹ cũng có ba người con đi chiến đấu phương xa, nên đối với mẹ, mọi người chiến sĩ đều là những đứa con ruột rà của mẹ: Tình máu mủ mẹ 	1,0

	<p>đồng con hết cả. Chính tình yêu thương ấy đã làm cho người con cảm thấy như đang ở nhà của mình. Tình thương của mẹ đã làm cho đất lạ hóa thành quê hương.</p> <p>– Bài thơ là một hồi ức ngọt ngào và da diết về tình quân dân, về tình cảm của những người mẹ miền Nam dành cho người chiến sĩ trong công cuộc vệ quốc vĩ đại.</p> <p>3. Đánh giá khái quát vấn đề ở đề bài.</p> <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

----- HẾT -----

GV: Triệu Thị Phương Thúy